

**TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN
PHẬT GIÁO VIỆT NAM**



VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM

09

TAM TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ

09

KINH TIỂU BỘ
(K h u d d a k a N i k ā y a)

5



Dịch giả
Tỳ-khưu INDACANDA

Đ NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

KINH TIỂU BỘ

(K h u d d a k a N i k ā y a)



THÁNH NHÂN KÝ SỰ
(*Apadāna*)

PHẬT SỬ
(*Buddhavaṃsa*)

HẠNH TẠNG
(*Cariyāpiṭaka*)

MILINDA VẤN ĐẠO
(*Milindapañha*)



NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDHASSA

**THÀNH KÍNH ĐĂNG LỄ
ĐỨC THẾ TÔN, BẠC ỨNG CÚNG, CHÁNH ĐẲNG GIÁC**



HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH

(Nhiệm kỳ 2017 – 2022)

PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỎ TUỆ

PHÓ PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ QUẢNG
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH GIÁC NHƯỜNG
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH DŨNG
- Trưởng lão Hòa thượng DƯƠNG NHƠN
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH ĐÀM
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH ĐỨC NGHIỆP
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH TỬ
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THIỆN DUYÊN
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO PHIÊN DỊCH

- Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN
- Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
- Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN
- Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
- Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
- Hòa thượng Tiến sĩ THÍCH GIA QUANG
- Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
- Viện trưởng Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội
- Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THẮT
- Cố vấn Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

BAN BIÊN TẬP & ÁN HÀNH TAM TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ



●Cố vấn

- Hòa thượng VIÊN MINH
- Hòa thượng Tiến sĩ THIÊN TÂM

●Trưởng ban

- Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN

●Phó Trưởng ban

- Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THẮT
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH TÂM ĐỨC
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH ĐỨC THIÊN

●Tổng Biên tập

- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH MINH THÀNH
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH NHẬT TỪ

●Phó Tổng Biên tập

- Thượng tọa GIÁC GIỚI

●Thư ký Biên tập

- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH GIÁC HOÀNG

●Ủy viên Biên tập

- Thượng tọa Thạc sĩ GIÁC TRÍ
- Thượng tọa Tiến sĩ BỬU HIỀN
- Ni sư Tiến sĩ THÍCH NỮ LIÊN HÒA
- Sư cô Tiến sĩ THÍCH NỮ LIÊN THỦY

●Trưởng ban Tài chánh

- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH PHƯỚC TIỀN

LỜI CHỨNG MINH

Nam-mô Bản Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

Trong *Kinh Hoa Nghiêm* có ghi: “*Phật dĩ nhất nhất thân, xứ xứ chuyển pháp luân*” (佛以一一身, 處處轉法輪), nghĩa là đức Phật luôn dùng tất cả hóa thân của mình, ở mọi nơi mọi chốn chuyển bánh xe pháp.

Thật hoan hỷ, tinh thần chuyển bánh xe pháp của đức Phật đã và đang được chư Tôn đức Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam triển khai một cách hiệu quả. Đặc biệt, trên phương diện hoằng truyền kinh điển, chư Tôn đức đã có những định hướng đúng đắn cho Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tiến hành phiên dịch, san định, ấn tống Kinh, Luật, Luận, Sớ giải có nguồn gốc từ tạng Pāli, Sanskrit, Hán cổ và các ngôn ngữ khác.

Khi nghiên cứu, hoằng truyền kinh điển, nhà Phật thường có câu: “*Dĩ Thánh giáo vi minh cảnh chiếu kiến tự tâm, dĩ tự tâm vi trí đăng chiếu kinh u chi*” (以聖教爲明鏡照見自心, 以自心爲智燈照經幽旨), nghĩa là lấy Phật pháp làm tấm gương sáng soi vào tự tâm, lấy tự tâm làm ngọn đèn trí soi tỏ chỗ thâm sâu của kinh điển. Những Phật sự được chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đã và đang thực hiện, thực sự là những việc làm trân quý. Việc ấy không chỉ làm sáng bản tâm của mỗi hành giả nghiên cứu mà còn chuyển hóa lời Phật dạy một cách dễ hiểu, dễ học, dễ hành, gần gũi với cuộc sống đời thường. Thông qua đó, mỗi hành giả có được cách tiếp cận, tu tập, thực hành lời Phật dạy, thành tựu nhiều kết quả hơn.

Từ việc nghiên cứu kinh điển, nhìn lại Phật giáo Việt Nam, chúng ta mới thấy, Phật giáo Việt Nam với chiều dài lịch sử trên dưới 2000 năm đồng hành cùng dân tộc, đã tạo nên những giá trị Phật giáo đặc biệt, đóng vai trò trụ cột trong việc gìn giữ nền văn hóa Việt thời kỳ 1000 năm Bắc thuộc, làm cho dân tộc Việt Nam trở nên vĩ đại nhất trong lịch sử phong kiến nước nhà vào thời đại Lý - Trần, vẫn đang tiếp tục đồng hành cùng đất nước trong thời kỳ hội nhập với phương châm “Đạo pháp - Dân tộc.” Chính vì vậy, những Phật sự của chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đang thực hiện có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc “kế vãng khai lai, truyền trì đạo mạch”, không chỉ làm cho Phật pháp xương minh, trường tồn ở thế gian mà còn góp phần làm cho

Phật giáo Việt Nam tiếp nối truyền thống tốt đẹp từ ngàn xưa, phát triển lên một tầm cao mới. Hy vọng mỗi hành giả chúng ta nỗ lực hơn nữa để thành tựu giải thoát và hoàn thành sứ mệnh “Tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự.”

Nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, thế giới hòa bình, nhân dân an lạc.

Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bồ-tát, tác đại chứng minh.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 – DL.2019

Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ

(Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam)



LỜI GIỚI THIỆU

Thay mặt Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi tán dương Hội đồng Quản trị Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, đặc biệt là Ban Biên tập ***Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*** đã hoan hỷ đảm trách nhiệm vụ phiên dịch, biên tập và ấn hành bộ Thánh điển thiêng liêng này.

Phiên dịch Kinh, Luật, Luận từ các ngôn ngữ Phật học (Pāli, Sanskrit, Hán cổ) ra tiếng Việt là trách nhiệm cao quý của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (VNCPHVN) do Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu thành lập năm 1989, nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học hỏi và thực tập Phật pháp của hàng triệu Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước.

1. Về thuật ngữ

Tôi tán đồng cách Hội đồng Quản trị VNCPHVN thay đổi cụm từ “*Đại tạng kinh Việt Nam*”, vốn chịu ảnh hưởng từ cách đặt tựa tác phẩm của Phật giáo Trung Quốc, thành “*Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*”, nhằm thể hiện bản sắc văn học Phật giáo Việt Nam, đồng thời thích ứng với cách đặt tên phổ biến của cộng đồng Phật giáo thế giới hiện nay.

Khái niệm “Đại tạng kinh” chỉ đề cập đến “Kinh tạng” (P. *Sutta Piṭaka*, H. 經藏) tức kho tàng Chân lý, trong khi khái niệm “Tam tạng Thánh điển Phật giáo” có nội hàm rộng hơn, bao quát hơn; đó là ngoài kho tàng Chân lý còn có kho tàng Đạo đức (P. *Vinaya Piṭaka*, H. 律藏, Luật tạng), kho tàng Triết học tâm (P. *Abhidhamma Piṭaka*, H. 論藏, Luận tạng), Văn học Chú giải (P. *Atṭhakathā*), Văn học Phụ chú giải (P. *Ṭīkā*), Văn học Tục tạng và các tác phẩm Phật học Việt Nam.

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam bao gồm các tuyển tập Tam tạng Phật giáo Thượng Tọa bộ (ảnh hưởng các nước Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia), Tam tạng Phật giáo Bộ phái, Tam tạng Phật giáo Đại thừa (ảnh hưởng Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn, Tây Tạng), Văn học Sớ giải, Văn học Tông phái Phật giáo và Văn học Phật giáo Việt Nam, v.v...

2. Về Văn học sử Phật giáo

“Thánh điển Phật giáo” là khái niệm chỉ cho tuyển tập những lời dạy của đức Phật trong 45 năm (theo Phật giáo Nam truyền) hay 49 năm (theo Phật giáo

Bắc truyền) truyền bá Chân lý (P. *Dhamma*, S. *Dharma*, H. 法, Pháp), Đạo đức (P=S. *Vinaya*, H. 戒律, Giới luật), và Các pháp siêu việt (P. *Abhidhamma*, S. *Abhidharma*, H. 無比法, Vô tỷ pháp).

Thánh điển Phật giáo được truyền thừa qua hình thức khẩu truyền, được cho là bằng ngôn ngữ Pāli từ thời đức Phật (khoảng thế kỷ VI-V TTL) và lưu truyền qua ba lần kết tập kinh điển tại Ấn Độ. Đến Đại hội Kết tập kinh điển lần thứ tư tại Tích Lan (khoảng thế kỷ I TTL), Thánh điển được viết trên lá bối và lưu truyền đến ngày nay. Hai tác phẩm *Đảo sử* (*Dīpavamsa*) và *Đại sử* (*Mahāvamsa*) đều ghi nhận rằng trong triều đại Valagamba (29-17 TTL) tại Anuradhapura, Tích Lan, các cao Tăng thuộc lâu Tam tạng Pāli bắt đầu viết kinh Phật trên lá bối để giữ gìn và truyền bá lời Phật dạy một cách hiệu quả hơn.

Theo các nhà Đại thừa, cũng vào thế kỷ I TTL trở đi, kinh điển Đại thừa bằng tiếng Sanskrit lần lượt ra đời. Ngoài các bản kinh Đại thừa quan trọng tồn tại với bản Sanskrit, phần lớn văn học Phật giáo Đại thừa được lưu giữ qua các bản dịch Hán cổ, được các vua chúa, đại tín chủ lưu bố qua các bản chép tay, khắc trên đá, khắc trên gỗ, và về sau biên tập thành các Đại tạng kinh mang tầm vóc quốc gia ở Trung Hoa; còn tiếng Tây Tạng cổ, được biên tập thành Kinh điển Phật giáo Tây Tạng (*Tibetan Buddhist Canon*) gồm hai tạng Kangyur (Kinh - Luật tạng gồm 100 bộ) và Tengyur (Luận tạng gồm 213 bộ).

3. Về phương diện lịch sử

Hơn 10 thế kỷ (từ thế kỷ I-X) bị Trung Quốc đô hộ, người Việt Nam đã sử dụng Đại tạng kinh Trung Hoa bằng Hán cổ và cho đến những thế kỷ sau. Giai đoạn 80 năm Pháp thuộc (1867-1945), người Việt lại buộc phải sử dụng tiếng Việt La-tinh hóa nên chữ Hán Nôm mất dần vị trí ngôn ngữ chính thống. Đứng trước nhu cầu thích nghi với quốc ngữ mới, các cao Tăng Việt Nam quyết định phiên dịch kinh điển từ Hán cổ ra tiếng Việt La-tinh để phổ biến lời Phật dạy rộng rãi hơn, vì đại đa số người Việt trong thời Pháp thuộc không đọc được chữ Hán Nôm.

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam được hình thành qua 3 giai đoạn:

Giai đoạn 1 bắt đầu từ 1950 đến 1975, với đỉnh cao là sự ra đời của Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) vào năm 1973 và ngưng hoạt động vào năm 1975. Các bậc Tôn túc đóng góp nổi bật trong việc phiên dịch kinh điển từ Hán cổ sang tiếng Việt trong giai đoạn này có Hòa thượng Thích Trí Tịnh (*Ma-ha Bát-nhã*, *Hoa Nghiêm*, *Đại Bảo Tích*, *Niết-bàn*, *Pháp Hoa*); Hòa thượng Thích Trí Nghiêm (*Đại Bát-nhã*); và chư vị Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Bửu Huệ, Hòa thượng Thích Thiện Tâm (*Trung A-hàm*, *Tăng nhất A-hàm*), Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Thượng tọa Thích Trí Thành (*Trường A-hàm*, *Tạp A-hàm*), v.v...

Giai đoạn 2 bắt đầu từ 1975 đến 2017, với sự ra đời của các bản dịch từ Pāli sang tiếng Việt.¹ Đóng góp nổi trội của Hòa thượng Thích Minh Châu là phiên dịch hầu hết Kinh tạng Pāli. Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Bửu Chơn, Hòa thượng Giới Nghiêm phiên dịch Luật tạng Pāli và Hòa thượng Tịnh Sự dịch Luận tạng Pāli. Gần đây, Thượng tọa Chánh Thân đã dịch mới một số kinh trong Tiểu bộ và Luật tạng Pāli.

Sau ba thập niên phiên dịch độc lập, đến năm 1991, Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam chính thức được Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) thành lập. Từ đó đến nay, VNCPHVN chỉ tái bản được Kinh tạng Nam truyền,² gồm 13 tập và một vài tập A-hàm. Trong thời gian này và trước đó, Hòa thượng Thích Trí Quang đã dịch hơn 25 tập Kinh, Luật, Luận; Hòa thượng Thích Đồng Minh đã dịch một số bộ Luật và hướng dẫn, khuyến khích chư Tăng Ni tại Nha Trang phiên dịch các bộ Luật của các bộ phái Phật giáo, góp phần làm phong phú kho tàng Luật tạng Phật giáo Việt Nam.

Trong hai thập niên, 1994-2014, Hội đồng Dịch thuật do Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh khởi xướng và bảo trợ, có công tổng hợp, biên tập và xuất bản các công trình dịch thuật đã có, đồng thời dịch mới các Kinh, Luật, Luận quan trọng khác để hình thành *Linh Sơn Pháp bảo Đại tạng kinh*.

Giai đoạn 3 từ năm 2017 trở đi. Vào giữa năm 2018, Hội đồng Quản trị VNCPHVN thành lập Ban Biên tập *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, tiến hành đối chiếu văn bản song ngữ, biên tập tiếng Việt, làm tổng mục lục mới, với mục tiêu phiên dịch hoàn tất, biên tập và xuất bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, gồm Ba tạng Thượng Tọa bộ, Ba tạng Bộ phái và Ba tạng Đại thừa. Đồng thời, Văn học Sớ giải, Tục tạng, Văn học tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản và Văn học Phật giáo Việt Nam cũng sẽ được thực hiện tiếp theo. Công trình sưu tầm, phiên dịch, hiệu chú và ấn hành này dự kiến sẽ hoàn thành trong vòng 10 năm hoặc lâu hơn nữa.

4. Về bản sắc quốc gia

Thánh điển Phật giáo được xem là quốc bảo của nhiều quốc gia theo đạo Phật. Các quốc gia thuộc hai truyền thống Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền đều có Thánh điển Phật giáo bằng tiếng mẹ đẻ của họ từ lâu. Tại các nước Phật giáo Nam truyền như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, ngoài ấn bản Tam tạng Thánh điển Pāli, đều có bản dịch Thánh điển Phật giáo bằng quốc ngữ của họ.

Trong các nước Phật giáo Đại thừa, Trung Quốc là nước đầu tiên có *Khai Bảo tạng* được khắc gỗ từ năm 971 đến 983 thời nhà Bắc Tống. Các nước

¹ Hòa thượng Thích Minh Châu dẫn thân vào sự nghiệp dịch thuật rất sớm. Hòa thượng đã dịch và ấn hành *Kinh Trường bộ* từ năm 1965 (tập I), 1967 (tập II), 1972 (tập III và IV). Các năm kế tiếp, Hòa thượng cho ấn hành các tập *Kinh Trung bộ*: 1973 (tập I), 1974 (tập II, III).

² Còn thiếu 5 quyển trong *Kinh Tiểu bộ*: *Diễn giải, Phân tích đạo, Thánh nhân ký sự, Phật sử và Hạnh tạng*.

Phật giáo Đại thừa chịu ảnh hưởng từ Phật giáo Trung Quốc đều có ấn bản Đại tạng kinh chữ Hán theo phong cách riêng.

Đại Hàn (1011-1082) có ấn bản *Cao Ly Đại tạng kinh* (高麗大藏經), hay còn gọi là *Bát vạn Đại tạng kinh* (八萬大藏經), có cấu trúc mục lục khác với các Đại tạng kinh Trung Quốc, gồm Tam tạng Đại thừa (các bản văn 1-646), Tam tạng Tiểu thừa (các bản văn 647-978), Thánh Hiền Phật ký lục (các bản văn 979-1087) và các tác phẩm khác (1088-1498), trong đó, các bản văn 1402-1405 là các trước tác của Phật giáo Đại Hàn.

Nhật Bản có *Thiên Hải tạng* (天海藏) đầu tiên được thực hiện từ năm 1637 đến 1648. Đến đầu thế kỷ XX, *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (大正新脩大藏經, 1924-1934) do các học giả Takakusu Junjiro, Watanabe Umiakira và Ono Genmyo biên tập, gồm 100 tập, 3.493 bộ, 13.520 quyển, trong đó, 55 tập đầu gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, các tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản. Đây là ấn bản Đại tạng kinh bằng chữ Hán hoàn chỉnh nhất, có tính hệ thống về phân loại và chấm câu tốt nhất.

Phật giáo Tây Tạng cũng có Đại tạng kinh riêng khá sớm, từ năm 1290 đến 1364. Đại tạng này bao hàm hầu hết các bản luận Sanskrit của các bộ phái Phật giáo Ấn Độ, có nguồn gốc từ Trường Đại học Nalanda nổi tiếng và một số bản dịch từ tiếng Hán. Đại tạng này được hiệu chỉnh qua các thời kỳ và trở thành kho tàng Pháp bảo Tạng truyền đặc thù, vì nó chứa nhiều bộ mật chú và pháp môn tu bí truyền mà ngày nay không tìm thấy trong các Đại tạng Trung Hoa và các nước khác.

Tính từ thời điểm Pháp thuộc năm 1867 đến 2019, khi tiếng Hán - Việt trở thành tiếng Việt La-tinh hóa, 152 năm đã trôi qua, hoặc tính từ thời điểm Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của GHPGVNTN hình thành từ năm 1973 cũng đã trải qua 46 năm, *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* chỉ mới hoàn tất một nửa chặng đường phiên dịch.

Bên cạnh việc trân trọng những thành quả dịch thuật của các bậc Tôn đức hữu công thuộc các thế hệ trước, GHPGVN cần có *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* hoàn chỉnh, không chỉ thể hiện bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam mà còn giúp cho người Việt Nam không biết các cổ ngữ Phật giáo, có thể tiếp cận lời Phật dạy bằng tiếng Việt, nhằm đạt được trí tuệ do nghe chân lý Phật (P. *Sutamayapaññā*, Văn tuệ), trí tuệ do nghiền ngẫm chân lý Phật (P. *Cintāmayapaññā*, Tư tuệ) và trên nền tảng này, tiếp tục đạt được trí tuệ do thực hành thiền chỉ, thiền quán (P. *Bhāvanāmayapaññā*, Tu tuệ).

Để tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam qua *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, tôi tha thiết kêu gọi quý Tăng Ni và Phật tử tham gia vào Ban Phiên dịch và Ban Biên tập *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, góp phần phiên dịch và xuất bản hoàn chỉnh *Tam tạng Thánh điển*

Phật giáo Việt Nam. Đồng thời, tôi tha thiết kêu gọi quý mạnh thường quân và quý Phật tử phát tâm đóng góp tịnh tài để công trình phiên dịch, biên tập và xuất bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* sớm thành tựu mỹ mãn.

Xuất bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* không chỉ là niềm mơ ước của Tăng Ni và Phật tử Việt Nam mà còn tạo thuận duyên cho 97 triệu người Việt Nam trong nước và hơn 5 triệu người Việt Nam ở hải ngoại có cơ hội học Phật, tu Phật bằng tiếng Việt, để diệt trừ tham ái, sân hận, si mê, chấp thủ, vốn là nhân khổ đau, đồng thời, trải nghiệm an vui, hạnh phúc bây giờ và tại đây, góp phần làm cho Tổ quốc Việt Nam ngày càng giàu, mạnh và phát triển bền vững.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 – DL.2019

Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN

(Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN)



LỜI NÓI ĐẦU

T*am tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* là một kho tàng Pháp bảo đầy đủ của Phật giáo Việt Nam, gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, Sử và các tác phẩm liên quan đến Phật giáo Việt Nam. *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* chứa đựng tư tưởng tâm linh, kho tàng trí tuệ, nền tảng văn hóa đạo đức có giá trị vượt thời gian và không gian. Cùng với những hệ thống tư tưởng lớn khác ở phương Đông và trên thế giới, hệ thống tư tưởng minh triết của đạo Phật lưu xuất từ Thánh điển Phật giáo trong từng thời kỳ, càng lúc càng có ảnh hưởng rộng lớn và thấm đượm nơi tâm hồn con người nói chung, tâm hồn người Phật tử Việt Nam nói riêng, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa đạo đức Việt Nam.

Dân tộc Việt Nam từ thời khởi nguyên đã có mối nối kết với Phật giáo. Phật giáo Việt Nam bắt đầu từ rất sớm và xuyên suốt dòng lịch sử luôn đồng hành cùng dân tộc. Đất nước và con người Việt Nam, trong không gian minh triết phương Đông, ân hưởng nguồn sáng thiêng liêng cùng với sức mạnh chuyển hóa nhiệm mầu của đạo Phật, đã phát triển, sánh vai với bạn bè trên thế giới. Ngày nay, Phật giáo Việt Nam đang tiếp tục vươn lên với những hoạt động mang tầm quốc gia và quốc tế trên nhiều phương diện, trong đó *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* là một dấu chỉ quan trọng trên lộ trình phát triển, phát huy tiềm năng con người Việt Nam và Phật giáo Việt Nam về phương diện văn hóa tâm linh và hàn lâm học thuật.

Văn pháp được sử dụng để chuyển tải nội dung của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* tiêm cận những tiêu chí: Trung thực, uyên thâm, văn nhã. Những chuẩn mực khác cũng được quan tâm như: Trang trọng, uy nghiêm. Tiêu chí, chuẩn mực được đặt ra và triển khai nhằm nâng cao hiệu quả của việc tụng niệm và hành trì, gia tăng hiệu ứng tâm linh, khuếch tán ở mức cao nhất ánh sáng mầu nhiệm thiêng liêng lưu xuất từ đầu nguồn là đáng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Thuở khởi nguyên của Thánh điển bắt đầu với việc kết tập Tam tạng. Ba lần kết tập đầu tiên, Thánh điển được trùng tụng, chuẩn y và ghi nhớ từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng phương pháp khẩu truyền. Thế kỷ III TTL đã có những phái đoàn hoàng pháp do Vua Asoka chủ trương và thực hiện, trong đó Hoàng tử Mahinda và Công chúa Sanghamittā của vương triều này đã truyền bá đạo Phật

sang Tích Lan. Hai thế kỷ sau, dưới triều đại nhà Vua Tích Lan Vattagāmaṇī Abhaya, Thánh điển được biên chép và bổ sung phần Chú giải. Ở Ấn Độ, lần kết tập thứ tư dưới sự bảo trợ của Vua Kaniṣka từ cuối thế kỷ I đến đầu thế kỷ II, Thánh điển được viết xuống bằng ngôn ngữ Sanskrit. Như vậy, cả hai hệ thống kinh điển tiếp tục được lưu giữ, quảng bá ở bản địa và lan tỏa sang các nước khác dưới hai dạng, chữ viết và khẩu truyền.

Hầu hết Thánh điển Phật giáo từ hai hệ thống trên vẫn còn được bảo tồn đầy đủ trong dạng nguyên ngữ hay dịch ngữ, và có những phiên bản tiếp tục được phát hiện dù có những khoảng thời gian việc thế thế truyền thừa dường như bị gián đoạn, thậm chí mai một. Ánh sáng trí tuệ chứa đựng trong Thánh điển Phật giáo càng lúc càng được giới trí thức của thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây nhận thức. Tạng Sanskrit được tái phát hiện ở Nepal vào năm 1822, có thể xem là tạng Sanskrit truyền sang thế giới phương Tây sớm nhất. Tạng Pāli do Hoàng tử Mahinda khởi động truyền bá từ Ấn Độ sang Tích Lan, sau đó nhờ được sự bảo trợ dưới triều Vua Vattagāmaṇī Abhaya vào thế kỷ I TTL, công trình trùng tụng, biên chép và bảo tồn được tổ chức thực hiện quy mô lớn tại Aluviḥāra, thành phố Matale, với 500 nhân sự chuyên trách.

Tạng Pāli được xem là Thánh điển Phật giáo chính thống của các nước thuộc hệ thống Nam truyền như Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Campuchia, Lào. Luận sư Buddhaghosa vĩ đại của thế kỷ V đã có công lớn đối với Thánh tạng Pāli. Nửa cuối thế kỷ XIX, Miến Điện tổ chức kết tập Tam tạng, trùng tụng, học thuộc Thánh điển, và nổi tiếng với bộ kinh bằng đá hoa cương thực hiện năm 1860 do Vua Mindon bảo trợ. Năm 1881, Pali Text Society (Hội Thánh điển Pāli) ra đời với mục tiêu là biên tập, ấn hành nguyên bản Pāli và phiên dịch sang tiếng Anh. Đầu thế kỷ XX, công trình phiên dịch Thánh tạng quy mô từ tiếng Pāli sang tiếng Thái được thực hiện và giới thiệu rộng rãi thông qua mạng lưới các trường đại học trên thế giới, dưới sự bảo trợ của Vua Chulalongkorn thứ V.

Ngoài tạng Pāli và tạng Sanskrit, khi nói về phương diện đầu nguồn, cổ kính và thâm quyền, cần ghi nhận rằng Thánh tạng tiếng Hán cổ có truyền thống lâu đời, bao phủ một địa bàn văn hóa rộng lớn tâm châu lục. Từ nhà Tống đến nay, Trung Quốc có tất cả 25 bản Đại tạng, riêng nhà Tống đã có đến 8 bản Đại tạng khác nhau. Bản Đại tạng khắc gỗ đầy đủ đầu tiên của Trung Quốc được đặt tên là *Khai Bảo tạng*, hoàn thành năm 983. Cao Ly (tên gọi Triều Tiên từ thế kỷ X-XIV) có ba lần khắc Đại tạng, trong đó *Bát vạn Đại tạng kinh* (còn gọi là *Cao Ly Đại tạng kinh*) nổi tiếng với trên 81.000 phiến gỗ, khắc vào thế kỷ XI, đang được bảo tồn cẩn trọng tại Hải Ấn tự. Nhật Bản tiếp nhận suối nguồn Phật giáo khá trễ, có 9 bản Đại tạng. *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (*Taishō Shinshū Daizōkyō*, 大正新脩大藏經) do Takakusu Junjiro, Watanabe Umiakira và các cộng sự viên thực hiện, gồm 100 tập, dựa trên các bản của Đại tạng kinh Trung Hoa và Cao Ly, tạo nên một bản Đại tạng kinh Phật giáo Bắc truyền hoàn chỉnh

nhất cho đến năm 1934. Mông Cổ và Tây Tạng đều có Đại tạng riêng. Đại tạng Tây Tạng cũng đã trải qua 12 lần khắc bản, được in ấn khác nhau và bộ hiện nay rất lớn với 73 triệu chữ chia làm hai phần: Kangyur (Kinh tạng - Luật tạng) và Tengyur (Luận tạng).

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam có điểm xuất phát từ thời còn chia sẻ chung một dạng văn tự với người Hán, phục vụ cho Phật giáo của cả một khu vực địa lý văn hóa rộng lớn bao gồm nhiều quốc gia, dân tộc. Ở Việt Nam, nhà Đinh đã bắt đầu việc khắc kinh trên đá, đến thời nhà Lý việc khắc mộc bản khởi sự và hoàn thành một phần vào năm 1126, niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ. Vào năm 1311 (Tân Hợi), niên hiệu Hưng Long nhà Trần, Tôn giả Pháp Loa và Thiền sư Bảo Sái phụng chiếu Vua Trần Anh Tông đảm trách công trình cấp quốc gia là khắc gỗ Đại tạng kinh. Trải qua những biến thiên của lịch sử, thể hệ chữ cổ đức đã hết lòng truyền tri đạo mạch. Có những giai đoạn lịch sử, công trình phiên dịch và ấn hành *Đại tạng kinh Việt Nam* có biểu hiện dừng lại hẳn, nhưng thật ra vẫn được chư Tôn đức tiền hiền âm thầm thực hiện.

Lịch sử thực hiện *Đại tạng kinh Việt Nam* khởi sắc trong giai đoạn chấn hưng Phật giáo giữa thế kỷ XX. Việc phiên dịch, ấn hành *Đại tạng kinh Việt Nam* với những mảng lớn hơn và quy mô lớn hơn được triển khai thực hiện, tiêu biểu là Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh phiên dịch Đại tạng Bắc truyền và Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu phiên dịch Đại tạng Nam truyền. Những trung tâm phiên dịch với những dịch giả nổi tiếng cũng xuất hiện như Trung tâm Phiên dịch Huệ Nghiêm, Trung tâm Phiên dịch Hải Đức, sau này có Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang. Đặc biệt, chư Tôn đức Giáo phẩm, quý cư sĩ thiện hữu trí thức tiền bối và đương thời nối tiếp công việc phiên dịch các bộ Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, như quý Ngài: Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, Hòa thượng Thích Hành Trụ, Hòa thượng Thích Mật Nguyễn, Hòa thượng Thích Trí Quang, Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hòa thượng Thích Đồng Minh, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Hòa thượng Thích Phước Sơn, Hòa thượng Thích Minh Cảnh, Hòa thượng Thích Đức Thắng, Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám, Cư sĩ Đoàn Trung Còn, Cư sĩ Đào Nguyên, Cư sĩ Định Huệ, Cư sĩ Nguyên Tâm - Trần Phương Lan,...

Như vậy, nội dung bộ *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* có sự khác biệt. Các Đại tạng khác chỉ chứa đựng một trong hai hệ thống, Nam truyền hoặc Bắc truyền, hoặc có một phần của nhau, nhưng không đầy đủ. Trong khi đó, *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* chuyển tải cả hai hệ thống và được bố cục lại. Đối với Tam tạng Nam truyền (Thượng Tọa bộ), cấu trúc được giữ nguyên như trong hệ thống Pali Text Society (Chánh kinh, Chú giải, Phụ Chú giải). Đối với Bắc truyền, cấu trúc được chia thành hai phần: Bộ phái và Đại thừa, được bố cục lại theo cách phân chia Kinh, Luật, Luận, Sớ giải.

Nguồn tư liệu này dựa vào *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh*. Ngoài ra, còn có tham khảo thêm nguồn tiếng Sanskrit, tiếng Anh và một số ngôn ngữ khác. Phần Tục tạng của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* bao gồm các tác phẩm kinh điển do những thế hệ tri thức của Phật giáo Việt Nam trước tác, nối kết liên mạch từ thời sử dụng chữ Hán, Hán Nôm và chữ Quốc ngữ.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay tiếp nối tinh thần phiên dịch *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* của chư tiền hiền hữu công, với sự khởi xướng của Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu, đã thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam làm cơ sở pháp lý, nền tảng hành chánh cho việc tổ chức nhân sự, giúp Giáo hội Phật giáo Việt Nam nâng mức độ hoàn thiện của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* lên một tầm cao mới, đặt một dấu ấn cho sự hoàn chỉnh trang nghiêm của ngôi báu Pháp bảo.

Phiên dịch *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* là công việc cần một nguồn nhân lực trí thức và tinh thần làm việc bền bỉ, đồng thời phải vượt qua những rào cản về ngôn ngữ, văn hóa và khoảng cách thế hệ. Những dịch giả đỉnh cao ở Trung Quốc như Đạo An, Cưu-ma-la-thập, Huyền Trang... đều biểu tỏ sự khó khăn khi thực hiện bản Hán dịch. Trong khi đó, độ chính xác của bản Việt dịch nói chung phải dựa trên độ chính xác của bản Hán dịch. Phiên dịch Kinh tạng Pāli cũng không ngoại lệ, khi dựa vào những bản gốc đã được sao chép nhiều lần trước khi in ấn. May thay, với sự tiến bộ của thời đại, hầu hết những rào cản đều đã được vượt qua và phản ánh trong *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*. Sự vượt qua những khó khăn trên nhờ vào sự phát triển của mạng lưới thông tin toàn cầu, nguồn tham khảo phong phú, kỹ thuật tra cứu tiên tiến. Mặt khác, *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* phản ánh việc định hình được một bộ thể lệ quy chuẩn, làm cơ sở tham chiếu cho việc biên tập và dịch bổ sung, song song với việc xây dựng một bộ thuật ngữ thiết yếu và chuyên sâu. Tất cả đều góp phần đáng kể cho tính hệ thống, tính nhất quán khoa học, nâng cao giá trị hàn lâm của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*.

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam mở ra một triển vọng mới cho những tác phẩm hậu kỳ như tóm tắt, tân giải, đồ giải hay làm tiền đề cho những công trình hỗ trợ tiện ích theo sau: Tổng mục lục, Đại từ điển Thuật ngữ, Lịch sử hình thành *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*.

Ngoài ấn bản mang tính thiêng liêng của hiện tiền Pháp bảo được thực hiện trang nghiêm với chất liệu cao cấp, thiết kế mẫu mực, kỹ thuật in ấn tiên tiến, chứa đựng nội dung và văn pháp như đã được giới thiệu ở trên, Ban Biên tập *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* còn thực hiện bản số hóa làm tăng thêm khả năng đồng bộ, lan tỏa rộng khắp, khả năng tiếp cận và tham khảo nhanh chóng, hướng đến những tiêu chí học thuật hàn lâm tối ưu.

Bộ *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* ra đời lần này là kết tinh từ các bậc Tổ sư, các bậc chân tu thật học, nhiều thế hệ dịch giả, nhà nghiên cứu... Hình ảnh các Ngài an nhĩn, kiên định, tận tụy, cần mẫn dịch từng trang kinh, chọn lựa từng chữ, cân nhắc từng thuật ngữ Phật học, đối khảo các bản dịch, bổ sung từng cước chú, nhuận sắc từng dấu chấm phẩy, để đảm bảo “văn nghĩa đầy đủ” một cách tốt đẹp nhất, luôn là nguồn động lực khích lệ cho các thế hệ Tăng Ni và Phật tử tiếp bước noi theo.

Hơn bảy thập niên trôi qua, các nhà phiên dịch Tam tạng ngày đêm âm thầm làm việc, đã đóng góp vào kho tàng văn học Phật giáo, tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam, làm cho Pháp bảo được lưu bố ở nhân gian, công đức ấy đang ẩn tàng trong từng con chữ, trong số nhiều chục triệu con chữ của ấn bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* lần này thật bất khả tư nghì.

Việc phiên dịch và ấn hành Pháp bảo này thành tựu còn được sự yểm trợ, ủng hộ nhiệt tình của chư Tôn đức Tăng Ni và các mạnh thường quân cư sĩ Phật tử trong và ngoài nước, từ quá khứ đến hiện tại. Xin thành kính tri ân công đức của quý liệt vị.

Thành kính cúng dâng ấn phẩm *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* này lên mười phương chư Phật, chư Tôn Bồ-tát, liệt vị Tổ sư, chư vị Tôn đức dịch giả và hiện tiền chư Tôn đức Giáo phẩm chứng minh. Thành tâm hồi hướng công đức, nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, quốc thái dân an, pháp giới hữu tình ân triêm lợi lạc.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 – DL.2019
Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN
 (Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam)



BẢNG VIẾT TẮT

TÁC PHẨM TIẾNG PĀLI

<i>A.</i>	<i>Aṅguttara Nikāya</i> (Kinh Tăng chi bộ)
<i>AA.</i>	<i>Aṅguttara Nikāya Aṭṭhakathā</i> (Chú giải Kinh Tăng chi bộ)
<i>Ap.</i>	<i>Apadāna</i> (Thánh nhân ký sự)
<i>ApA.</i>	<i>Apadāna Aṭṭhakathā</i> (Chú giải Thánh nhân ký sự)
<i>Asl.</i>	<i>Aṭṭhasālinī</i> (Chú giải Pháp tụ)
<i>Bvs.</i>	<i>Buddhavamsa</i> (Phật sử)
<i>BvsA.</i>	<i>Buddhavamsa Aṭṭhakathā</i> (Chú giải Phật sử)
<i>CNid.</i>	<i>Cūlaniddesa</i> (Tiểu nghĩa thích / Tiểu diễn giải)
<i>CNidA.</i>	<i>Cūlaniddesa Aṭṭhakathā</i> (Chú giải Tiểu nghĩa thích / Chú giải Tiểu diễn giải)
<i>Cp.</i>	<i>Cariyāpiṭaka</i> (Hạnh tạng)
<i>CpA.</i>	<i>Cariyāpiṭaka Aṭṭhakathā</i> (Chú giải Hạnh tạng)
<i>Cv.</i>	<i>Cūlavagga</i> (Tiểu phẩm)
<i>Cvs.</i>	<i>Cūlavamsa</i> (Tiểu sử)
<i>D.</i>	<i>Dīgha Nikāya</i> (Kinh Trường bộ)
<i>DA.</i>	<i>Dīgha Nikāya Aṭṭhakathā</i> (Chú giải Kinh Trường bộ)
<i>Dh.</i>	<i>Dhammapada</i> (Kinh Pháp cú)
<i>DhA.</i>	<i>Dhammapada Aṭṭhakathā</i> (Chú giải Kinh Pháp cú)
<i>Dhs.</i>	<i>Dhammasaṅgaṇī</i> (Pháp tụ)
<i>Dpvs.</i>	<i>Dīpavamsa</i> (Đảo sử)
<i>Gāt.</i>	<i>Gātha</i> (Thera và Therī): Trưởng lão Tăng kệ và Trưởng lão Ni kệ
<i>It.</i>	<i>Itivuttaka</i> (Kinh Phật thuyết như vậy)
<i>ItA.</i>	<i>Itivuttaka Aṭṭhakathā</i> (Chú giải Kinh Phật thuyết như vậy)
<i>J.</i>	<i>Jātaka</i> (Chuyện Tiền thân)
<i>Kh.</i>	<i>Khuddakapāṭha</i> (Tiểu tụng)

<i>Kkvt.</i>	<i>Kaṅkhāvitaraṇī</i> (Giải nghi)
<i>Kv.</i>	<i>Kathāvatthu</i> (Luận sự / Những điểm dị biệt)
<i>M.</i>	<i>Majjhima Nikāya</i> (Kinh Trung bộ)
<i>MA.</i>	<i>Majjhima Nikāya Aṭṭhakathā</i> (Chú giải Kinh Trung bộ)
<i>Mhbv.</i>	<i>Mahābodhivaṃsa</i> (Đại sử về cây Bồ-đề ở Tích Lan)
<i>Mhvs.</i>	<i>Mahāvamsa</i> (Đại sử)
<i>Miln.</i>	<i>Milindapañha</i> (Mi-tiên vấn đáp / Milinda vấn đạo)
<i>MNid.</i>	<i>Mahāniddesa</i> (Đại nghĩa thích / Đại diễn giải)
<i>MNidA.</i>	<i>Mahāniddesa Aṭṭhakathā</i> (Chú giải Đại nghĩa thích / Chú giải Đại diễn giải)
<i>MT.</i>	<i>Majjhima Nikāya Tīkā</i> (Phụ chú giải Kinh Trung bộ)
<i>Mv.</i>	<i>Mahāvagga</i> (Đại phẩm)
<i>Nid.</i>	<i>Niddesa</i> (Nghĩa thích / Diễn giải)
<i>NidA.</i>	<i>Niddesa Aṭṭhakathā</i> (Chú giải Nghĩa thích / Chú giải Diễn giải)
<i>Netti.</i>	<i>Nettipakaraṇa</i> (Chỉ đạo luận / Cẩm nang học Phật)
<i>Paṭ.</i>	<i>Paṭṭhāna</i> (Duyên hệ)
<i>Pe.</i>	<i>Peṭakopadesa</i> (Chú thích Kinh tạng / Tìm hiểu Tam tạng)
<i>Ps.</i>	<i>Paṭisambhidāmagga</i> (Vô ngại giải đạo / Phân tích đạo)
<i>PsA.</i>	<i>Paṭisambhidāmagga Aṭṭhakathā</i> (Chú giải Vô ngại giải đạo / Chú giải Phân tích đạo)
<i>Pug.</i>	<i>Puggalapaññatti</i> (Nhân thi thiết)
<i>PugA.</i>	<i>Puggalapaññatti Aṭṭhakathā</i> (Chú giải Nhân thi thiết)
<i>Pv.</i>	<i>Petavatthu</i> (Nga quỹ sự / Chuyện Nga quỹ)
<i>PvA.</i>	<i>Petavatthu Aṭṭhakathā</i> (Chú giải Nga quỹ sự / Chú giải Chuyện Nga quỹ)
<i>S.</i>	<i>Samyutta Nikāya</i> (Kinh Tương ưng bộ)
<i>SA.</i>	<i>Samyutta Nikāya Aṭṭhakathā</i> (Chú giải Kinh Tương ưng bộ)
<i>Sn.</i>	<i>Suttanipāta</i> (Kinh tập)
<i>SnA.</i>	<i>Suttanipāta Aṭṭhakathā</i> (Chú giải Kinh tập)
<i>Sum.</i>	<i>Sumaṅgalavilāsinī</i> (Chú giải Kinh Trường bộ)
<i>Thag.</i>	<i>Theragāthā</i> (Trưởng lão Tăng kệ)
<i>ThagA.</i>	<i>Theragāthā Aṭṭhakathā</i> (Chú giải Trưởng lão Tăng kệ)
<i>Thīg.</i>	<i>Therīgāthā</i> (Trưởng lão Ni kệ)

<i>ThīgA.</i>	<i>Therīgāthā Aṭṭhakathā</i> (Chú giải Trưởng lão Ni kệ)
<i>Thūvs.</i>	<i>Thūpavaṃsa</i> (Biên niên sử chùa tháp Tích Lan)
<i>Ud.</i>	<i>Udāna</i> (Kinh Phật tự thuyết / Cảm hứng ngữ)
<i>UdA.</i>	<i>Udāna Aṭṭhakathā</i> (Chú giải Kinh Phật tự thuyết / Chú giải Cảm hứng ngữ)
<i>Uj.</i>	<i>Upāsakajanālaṅkāra</i> (Ưu-bà-tắc trang nghiêm)
<i>Vbh.</i>	<i>Vibhaṅga</i> (Phân tích)
<i>VbhA.</i>	<i>Vibhaṅga Aṭṭhakathā</i> (Chú giải Phân tích)
<i>Vin.</i>	<i>Vinaya Piṭaka</i> (Luật tạng)
<i>VinA.</i>	<i>Vinaya Aṭṭhakathā</i> (Chú giải Luật tạng)
<i>Vism.</i>	<i>Visuddhimagga</i> (Thanh tịnh đạo)
<i>Vv.</i>	<i>Vimānavatthu</i> (Thiên cung sự / Chuyện Thiên cung)
<i>VvA.</i>	<i>Vimānavatthu Aṭṭhakathā</i> (Chú giải Thiên cung sự / Chú giải Chuyện Thiên cung)
<i>Yam.</i>	<i>Yamaka</i> (Song đối)

TÁC PHẨM TIẾNG SANSKRIT

<i>Divy.</i>	<i>Divyāvadāna</i> (Thiên cung sự)
<i>Mhvū.</i>	<i>Mahāvastu</i> (Đại sự)
<i>MPS.</i>	<i>Mahāparinirvānasūtra</i> (Kinh Đại Bát-niết-bàn)

TÁC PHẨM TIẾNG ANH

<i>BBS.</i>	<i>Burmese-script Buddhasāsana Samiti edition of the Majjhima Nikāya</i> (Kinh Trung bộ, phiên bản tiếng Miến, Nxb. Buddhasāsana Samiti)
<i>BD.</i>	<i>Book of Discipline</i> (Luật tạng)
<i>BI.</i>	<i>Buddhist India</i> (Phật giáo Ấn Độ)
<i>BPE.</i>	<i>Buddhist Manual of Psychological Ethics</i> (Cẩm nang Tâm lý Đạo đức Phật giáo)
<i>Cpd.</i>	<i>Compendium of Philosophy</i> (Cương yếu triết học / Tóm tắt và giải thích bộ Abhidhammatthasaṅgaha)
<i>DB.</i>	<i>Dialogues of the Buddha</i> (Kinh Trường bộ)
<i>Expos.</i>	<i>Expositor</i> (Chú giải Pháp tụng)
<i>GS.</i>	<i>Gradual Sayings</i> (Kinh Tăng chi bộ)

<i>KS.</i>	<i>Kindred Sayings (Kinh Tương ưng bộ)</i>
<i>MB.</i>	<i>A Manual of Buddhism (Cẩm nang Phật giáo)</i>
<i>MLS.</i>	<i>Middle Length Sayings (Kinh Trung bộ)</i>
<i>QKM.</i>	<i>Questions of King Milinda (Milinda vấn đạo)</i>
<i>PC.</i>	<i>Points of Controversy (Những điểm dị biệt)</i>
<i>Pss. Breth.</i>	<i>Psalms of the Brethren (Trường lão Tăng kệ)</i>
<i>Pss. Sis.</i>	<i>Psalms of the Sisters (Trường lão Ni kệ)</i>
<i>SBB.</i>	<i>Sacred Books of the Buddhists (Thánh điển Phật giáo)</i>
<i>SBE.</i>	<i>The Sacred Books of the East (Thánh điển phương Đông)</i>

TÁC PHẨM TIẾNG VIỆT

<i>TTTĐPGVN.</i>	<i>Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam</i>
<i>TTPV.</i>	<i>Tam tạng Pāli-Việt</i>

KINH THEO ĐẠI CHÁNH TẠNG

<i>ĐCT/Đại/T.</i>	<i>Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh (大正新脩大藏經)</i>
<i>N.</i>	<i>Nam truyền Đại tạng kinh (南傳大藏經)</i>
<i>Biệt Tap.</i>	<i>Biệt dịch Tạp A-hàm kinh (別譯雜阿含經)</i>
<i>Tăng./ EĀ.</i>	<i>Tăng nhất A-hàm kinh (增壹阿含經, Ekottarikāgama)</i>
<i>Tạp./ SĀ.</i>	<i>Tạp A-hàm kinh (雜阿含經, Saṃyuktāgama)</i>
<i>Trung./ MĀ.</i>	<i>Trung A-hàm kinh (中阿含經, Mādhyamāgama)</i>
<i>Trường./ DĀ.</i>	<i>Trường A-hàm kinh (長阿含經, Dīrghāgama)</i>

TỪ ĐIỂN

<i>BHSD.</i>	<i>Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary (Từ điển Phật giáo Sanskrit hỗn hợp)</i>
<i>CPD.</i>	<i>Critical Pāli Dictionary (Từ điển Biện giải Pāli)</i>
<i>DPPN.</i>	<i>Dictionary of Pāli Proper Names (Từ điển Danh từ riêng Pāli)</i>
<i>EB.</i>	<i>Encyclopaedia of Buddhism (Bách khoa Từ điển Phật giáo)</i>
<i>EPD.</i>	<i>English-Pāli Dictionary (Từ điển Anh - Pāli)</i>
<i>ERE.</i>	<i>Encyclopedia of Religion and Ethics (Bách khoa Từ điển Tôn giáo và Đạo đức)</i>
<i>PED.</i>	<i>Pāli-English Dictionary (Từ điển Pāli - Anh)</i>

TỔ CHỨC HIỆP HỘI VÀ TẠP CHÍ

CST.	Chatṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka (Tam tạng kết tập lần thứ 6)
PTS.	Pali Text Society (Hội Thánh điển Pāli)
VRI.	Vipassana Research Institute (Viện Nghiên cứu Thiền quán)
JPTS.	<i>Journal of Pali Text Society (Tạp chí Hội Thánh điển Pāli)</i>
JRAS.	<i>Journal of the Royal Asiatic Society (Tạp chí Hội Hoàng gia Á châu)</i>

CÁC TỪ VIẾT TẮT

Tiếng Việt

S.	Tiếng Sanskrit	P.	Tiếng Pāli
H.	Tiếng Hán	E.	Tiếng Anh
TTL.	trước Tây lịch	DL.	Dương lịch
PL.	Phật lịch	tr.	trang
Sdd.	Sách đã dẫn	Nxb.	Nhà xuất bản
nt.	như trên		
HT.	Hòa thượng	TT.	Thượng tọa
ĐĐ.	Đại đức	NS.	Ni sư
SC.	Sư cô	TS.	Tiến sĩ
ThS.	Thạc sĩ	ND.	Người dịch
BBT.	Ban Biên tập		

Tiếng Anh

AD. (Anno Domini)	Công nguyên
BC. (Before Christ)	trước Công nguyên
Cf. (confer)	Tham chiếu, so sánh
ed. (by)	biên tập (bởi)
edn. (edition)	ấn bản
etc. (et cetera)	vân vân... (v.v...)
f./ ff. (following pages)	trang kế tiếp / các trang kế tiếp
ibid. (ibidem)	cùng trang đã dẫn / như trên
n. (note)	chú thích
op. cit (opere citato)	sách đã dẫn
p./ pp. (page/ pages)	trang / các trang
tr. (by)	dịch bởi

trans. (translation)

v. (verse)

vol./ vols. (volume/ volumes)

bản dịch

bài kệ, khổ kệ, kệ ngôn

tập, quyển / các tập, các quyển



TỔNG QUAN KINH TIỂU BỘ

1. Khái niệm “Kinh Tiểu bộ”

“Kinh Tiểu bộ” (*Khuddaka Nikāya*, 小部經) dịch sát nghĩa là “Hợp tuyển các tập kinh ngắn” (*The Collection of Little Texts, Minor Collection*), là tuyển tập (*nikāya*) điển tịch thứ năm trong năm bộ kinh thuộc kho tàng kinh điển Pāli (*Sutta Piṭaka*, 巴利文大藏經) của Phật giáo Thượng Tọa bộ (上座部佛教), còn gọi là Phật giáo Nam truyền (南傳佛教) hoặc Phật giáo Thượng Tọa bộ Nam truyền (南傳上座部佛教). Bộ này gồm 16 tập kinh chứa đựng nhiều bài kinh lẻ, thi kệ, đoạn kinh ngắn về chân lý, lộ trình tu tập, đạo đức sống và tư liệu lịch sử, phần lớn do đức Phật giảng và một số do các Thánh Tăng A-la-hán giảng hay biên tập.

Từ “*Khuddaka*” trong tiếng Pāli có nghĩa là “tiểu” (小) hay “tạp” (雜), tương đương trong tiếng Sanskrit là “*Kṣudraka*.” Trong văn học Hán tạng, chữ “*Nikāya*” thường được phiên âm là “Ni-kha-da” (尼柯耶), tương đương với từ “*Āgama*” trong tiếng Sanskrit mà Phật giáo Đại thừa thường sử dụng và được phiên âm trong Hán ngữ là “A-hàm” (阿含) hoặc “A-cấp-ma” (阿笈摩).

Cụm từ “*Khuddaka Nikāya*” (小部經) được phiên âm trong Hán ngữ là “Khuất-đà-ca Ni-kha-da” (屈陀迦尼柯耶). *Thiện Kiến luật Tỳ-bà-sa* (善見律毘婆沙) gọi *Tiểu bộ kinh* là “Khuất-đà-ca kinh” (屈陀迦經).¹ Bộ tương đương với *Khuất-đà-ca kinh* gọi là “Khuất-đà-già A-hàm” (屈陀伽阿含). Tổng hợp vừa dịch nghĩa vừa phiên âm, “*Khuddaka Nikāya*” trong tiếng Pāli và từ tương đương “*Kṣudraka Āgama*” trong tiếng Sanskrit thường được dịch trong tiếng Hán là “Tiểu Ni-kha-da” (小尼柯耶), trong đó “tiểu” có nghĩa là nhỏ, “Ni-kha-da” là từ phiên âm Hán Việt. Phật-đà-thập (Buddhajīva) và Trúc Đạo Sinh trong *Ngũ phần luật* (五分律) gọi là “Tạp tạng” (雜藏),² còn Ngài Huyền Trang dịch là “Tạp loại A-cấp-ma” (雜類阿笈摩).³

¹ Xem T.24. 1462.1. 0675b19-20: 何謂為五部？答曰：長阿銓經，中阿銓經，僧述多經，殃堀多羅經，屈陀迦經。

² *Di-sa-tắc bộ Hòa-hê Ngũ phần luật* (彌沙塞部和醯五分律) (T.22. 1421.30. 0191a24) ghi: 此是長經，今集為一部，名長阿含；此是不長，不短，今集為一部，名為中阿含；此是雜說，為比丘，比丘尼，優婆塞，優婆夷，天子，天女說，今集為一部，名雜阿含；此是從一法，增至十一法，今集為一部，名增一阿含；自餘雜說，今集為一部，名為雜藏，合名為修多羅藏。

³ Xem *Đại A-la-hán Nan-đề Mật-đa-la sở thuyết pháp trụ ký* 大阿羅漢難提蜜多羅所說法住記 (T.49. 2030. 0014b06): 有五阿笈摩，謂長阿笈摩，中阿笈摩，增一阿笈摩，相應阿笈摩，雜類阿笈摩。

Về từ nguyên, “*Nikāya*” có nghĩa là: (i) Giáo phái (教派, *school*), bộ phái (部派, *sect*), (ii) Đoàn thể (團體, *body, assembly*), nhóm (部類, *group*),⁴ (iii) Bộ sưu tập hay tuyển tập các bài kinh (收集, *collection*).⁵ Trong ngữ cảnh văn học Pāli, “*Nikāya*” được hiểu là tuyển tập các bài kinh Phật (*collection of Buddhist suttas*). Theo từ điển *Pāli-English Dictionary*, tựa đề *Kinh Tiểu bộ* phát xuất từ thực tế rằng đây là tuyển tập các bài kinh ngắn so với bốn bộ kinh Pāli.⁶ Theo tác phẩm *Chú giải Tiểu tụng* (*Paramatthajotikā*), tựa đề *Kinh Tiểu bộ* là do 15 bản văn của tuyển tập kinh điển này, chứa đựng nhiều chủ đề và sắc thái Phật học khác nhau.⁷

Phật Quang đại từ điển cho rằng: “Sở dĩ bộ kinh này có tên gọi là *Kinh Tiểu bộ* vì tuyển tập này tập hợp các truyền thuyết, kệ tụng và cách ngôn trong bốn bộ kinh Pāli gồm *Kinh Trường bộ*, *Kinh Trung bộ*, *Kinh Tương ưng bộ* và *Kinh Tăng chi bộ* thành các bài kinh ngắn.”⁸ Quan điểm này chỉ đúng một phần, vì trên thực tế có nhiều bài kinh, chương, đoạn và thi kệ trong *Kinh Tiểu bộ* hoàn toàn độc lập với bốn bộ kinh nêu trên. Từ góc độ nội dung, 15 bản văn kết hợp với bản *Milinda vấn đạo* (trong ấn bản *TTTĐPGVN* này) của *Kinh Tiểu bộ* là kho tàng văn học Phật giáo về những gì chưa được đề cập hoặc đã đề cập một phần trong bốn bộ kinh Pāli, và chứa đựng các bản văn giai đoạn đầu và giai đoạn sau.⁹ Đây chính là một trong những đóng góp quan trọng của *Kinh Tiểu bộ* trong văn học Kinh tạng Pāli.

2. Thể tài văn học của *Kinh Tiểu bộ*

Về thể loại, *Kinh Tiểu bộ* là tuyển tập hỗn hợp hay tạp kinh (雜文, *miscellaneous collection*) gồm thể tài văn xuôi và phần lớn là thi kệ (*gāthā*, 偈頌, *verse*). Bên cạnh một số chương và phẩm được thể hiện dưới dạng văn xuôi, nhiều nội dung của 16 tập kinh này là thi kệ, bao hàm các bài kệ thơ ngắn gọn, đa dạng, đặc sắc, thể hiện tính văn học và triết học Phật giáo sâu sắc.

Các tập kinh trong *Kinh Tiểu bộ* có độ dài ngắn không đồng nhất. Ngắn nhất

⁴ Xem mục từ “*Nikāya*” trong *Từ điển Pāli - Hán* (巴漢詞典) của Bhikkhu Mahānāṇo, cũng như ấn bản tương tự do Tôn giả Minh Pháp (明法尊者) hiệu đính.

⁵ Xem mục từ “*Nikāya*” trong từ điển *Pāli-English Dictionary* của Hội Thánh điển Pāli (Pali Text Society) và tương tự mục từ “*Nikāya*” trong từ điển *Concise Pāli-English Dictionary* của A. P. Buddhadatta Mahāthera, tr. 170.

⁶ Nguyên tác: “The name *Khuddaka Nikāya* is taken from the fact that it is a collection of books-short, that is as compared with the Four *Nikāyas*.” *The Anagatavamsa* (JPTS. 1886), p. 35; *The Gandhavamsa* (JPTS. 1886), p. 57.

⁷ Xem H. Smith, (ed.), *The Khuddaka-Pāṭha Together with Its Commentary Paramatthajotikā I* (London: PTS, 1915), p. 12.

⁸ Nguyên tác: 係集輯長，中，相應，增支等四尼迦耶之傳說，偈頌，格言等而成，概為短篇，故稱小部。

⁹ Hirakawa Akira, *A History of Indian Buddhism*, tr. and ed. by Paul Groner (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers, 1993), p. 128: “It has been suggested that the *Khuddaka Nikāya* was the repository for materials that were left out of the four *Nikāyas* (the *Dīgha Nikāya*, *Majjhima Nikāya*, *Saṃyutta Nikāya* and *Anguttara Nikāya*) and thus included both early and late texts.”

là *Tiểu tụng*, chưa đầy 10 trang Pāli trong ấn bản của PTS, trong khi *Chuyện Tiền thân* với 547 câu chuyện, có số trang lên đến cả ngàn. Trong mỗi tập kinh, có những bài kinh vài trang, nhưng cũng có những bài kinh rất ngắn với 4-5 hàng Pāli, chứa đựng những lời dạy minh triết mang tính trị liệu cao.

3. Vị trí của *Kinh Tiểu bộ* trong các thể tài kinh

Tam tạng Pāli (*Tipitaka*) phân loại 9 thể tài kinh,¹⁰ vốn được Thượng Tọa bộ chủ trương và được sự chấp nhận cao trong Phật giáo bộ phái. Tam tạng Phật giáo Đại thừa phân loại thành 12 thể tài kinh (S. *dvādaśāṅga-dharma-pravacana*),¹¹ vốn bắt nguồn từ *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da tạp sự* (根本說一切有部毘奈耶雜事)¹² và được chấp nhận trong Pháp Tạng bộ (法藏部, S. Dharmaguptaka), Hóa Địa bộ (化地部, S. Mahīśāsaka, P. Mahisāsaka) và Đại Chúng bộ (大眾部, S. Mahāsaṃghika, P. Mahāsaṃghika).

Thứ tự về 9 thể tài kinh¹³ và 12 thể tài kinh¹⁴ được tìm thấy khác nhau trong văn học Kinh tạng chữ Hán như sau:

1. **Kinh** (經, S. *Sūtra*, P. *Sutta*) hoặc Khế kinh (契經), hay Trường hàng (長行), phiên âm là Tu-đa-la (修多羅), chỉ chung các bài kinh do Phật thuyết giảng.

2. **Trùng tụng** (重頌, S. *Geya*, P. *Geyya*) còn dịch là Ứng tụng (應頌), phiên âm là Kỳ-dạ (祇夜), loại kệ tụng có nhiều câu được lặp lại.

¹⁰ Còn gọi là 9 phần giáo (九分教), 9 bộ kinh (九部經), 9 bộ pháp (九部法), 9 kinh (九經). Tham chiếu danh mục chín thể tài kinh trong *Phật Quang đại từ điển*: https://www.fgs.org.tw/fgs_book/fgs_drser.aspx/ (truy cập ngày 11/02/2021).

¹¹ Còn gọi là thập nhị bộ kinh (十二部經), thập nhị phần giáo (十二分教), thập nhị phần Thánh giáo (十二分聖教), thập nhị phần kinh (十二分經). Tham chiếu danh mục 12 thể tài kinh trong *Phật Quang đại từ điển*: https://www.fgs.org.tw/fgs_book/fgs_drser.aspx/ (truy cập ngày 11/02/2021). Tham chiếu: *Thanh tịnh kinh* 清淨經 (T.01. 0001.17. 0074b19-23); *Tăng* 增 (T.02. 0125.49.1. 0794b14); *Đại trí độ luận* 大智度論 (T.25. 1509.33. 0306c17-19): *修多羅*, *祇夜*, *受記經*, *伽陀*, *優陀那*, *因緣經*, *阿波陀那*, *如是語經*, *本生經*, *廣經*, *未曾有經*, *論議經*. Cách dùng ngữ không chính xác trong cước chú trên và trong cước chú này đã gây ngộ nhận cho nhiều độc giả khi chưa hiểu bản chất của 9 hoặc 12 thể loại văn học.

¹² (T.24. 1451.38. 0398c25-27): *契經*, *應頌*, *記別*, *諷頌*, *自說*, *因緣*, *本事*, *本生*, *方廣*, *希有*, *譬喻*, *論議*.

¹³ *Ma-ha Tăng-kỳ luật* 摩訶僧祇律 (T.22. 1425.1. 0227b11): 爾時佛告舍利弗, 有如來不為弟子廣說修多羅, 祇夜, 授記, 伽陀, 憂陀那, 如是語, 本生, 方廣, 未曾有經。舍利弗, 諸佛如來不為聲聞制戒, 不立說波羅提木叉法, 是故如來滅度之後法不久住。Trật tự trong *Luật tạng Pāli* như sau: (巴利律藏): 舍利弗! 拘樓孫佛, 拘那含牟尼佛, 迦葉佛, 不疲厭為聲聞弟子廣說正法, 多為彼等說契經, 祇夜經, 授記經, 偈經, 自說經, 因緣經, 本生經, 未曾有經, 方等經, 為弟子制立學處, 教示波羅提木叉。

¹⁴ *Tạp* 雜 (T.02. 0099.1138. 0300c05): 佛告二比丘。汝等持我所說修多羅, 祇夜, 受記, 伽陀, 優陀那, 尼陀那, 阿波陀那, 伊帝目多伽, 闍多伽, 毘富羅, 阿浮多達摩, 優婆提舍等法。Trật tự trong *Tứ phần luật* (四分律 (T.22. 1428.1. 0569b03): 佛告舍利弗。拘那含牟尼佛, 隨葉佛。不廣為諸弟子說法。契經, 祇夜經, 授記經, 偈經, 句經, 因緣經, 本生經, 善道經, 方等經, 未曾有經, 譬喻經, 優婆提舍經。如是生經, 本經, 善因緣經, 方等經, 未曾有經, 譬喻經, 優婆提舍經, 句義經, 法句經, 波羅延經, 難難經, 聖偈經, 如是集為雜藏。Trong *Ngũ phần luật* 五分律 (T.22. 1421.1. 0001b25): 舍利弗。拘樓孫佛, 拘那含牟尼佛, 迦葉佛, 廣為弟子說法。無有疲厭所謂修多羅, 祇夜, 受記, 伽陀, 憂陀那, 尼陀那, 育多伽婆, 本生, 毘富羅, 未曾有, 阿婆陀那, 憂婆提舍, 自餘雜說今集為一部, 名為雜藏。

3. **Ký thuyết** (記說, S. *Vyākaraṇa*, P. *Veyyākaraṇa*) còn gọi là Thọ ký (受記), phiên âm là Hoa-già-la-na (華遮羅那) hay Hòa-già-la-na (和伽羅那), bao gồm lời Phật chứng nhận cho các đệ tử sẽ thành Phật trong tương lai.

4. **Kệ-đà** (偈陀, S=P. *Gāthā*) thường dịch là Phúng tụng (諷頌) hay Ký chú (記註), gồm những bài thi kệ không có vần xuôi ở trước.

5. **Tự thuyết** (自說, S=P. *Udāna*) còn gọi là Vô vấn tự thuyết (無問自說) hoặc Tán thán kinh (讚歎經), phiên âm là Ưu-đà-na (憂陀那), gồm những bài kinh đức Phật giảng do cảm hứng tự nhiên, không có người thỉnh cầu.

6. **Nhân duyên** (因緣, S. *Nidāna*) còn dịch là Quảng thuyết (廣說), phiên âm là Ni-đà-na (尼陀那), gồm những bài kinh giảng về nhân duyên thuyết pháp.

7. **Thí dụ** (譬喻, S. *Avadāna*) còn gọi là Diễn thuyết giải ngộ kinh (演說解悟經), phiên âm là A-ba-đà-na (阿波陀那), gồm những kinh chứa nhiều thí dụ, ẩn dụ, ngụ ngôn để giải thích chân lý cho dễ hiểu hơn.

8. **Như thị ngữ** (如是語, S. *Itivṛttaka*, P. *Itivuttaka*) còn gọi là Bản sự kinh (本事經), phiên âm là Y-đế-mục-đa-già (醫帝目多伽), gồm những bài kinh nói pháp tu tập của các đệ tử Thánh trong quá khứ và vị lai.

9. **Bổn sanh kinh** (本生經, S=P. *Jātaka*), phiên âm là Xà-đà-già (闍陀伽) gồm các bài kinh nói về tiền thân của đức Phật Thích-ca.

10. **Phương quảng** (方廣) còn gọi là Phương đẳng (方等, S. *Vaipulya*, P. *Vedalla*) hoặc Quảng kinh (廣經), phiên âm là Tỳ-phật-lược (毗佛略), gồm các bài kinh do đức Phật hay các đệ tử Thánh trao đổi, giảng giải, triển khai sâu rộng với các vị Tăng, Ni hay cư sĩ.

11. **Vị tăng hữu** (未曾有, S. *Adbhutadharma*, P. *Abbhutadhamma*) còn gọi là Hy pháp (希法), phiên âm là A-phù-đà-đạt-ma (阿浮陀達磨), gồm các kinh nói về thần lực siêu phàm của đức Phật mà người đời khó hiểu được.

12. **Luận nghị** (論議, S. *Upadeśa*) còn gọi là Cận sự thỉnh vấn kinh (近事請問經), phiên âm là Ưu-ba-đề-xá (優波提舍), gồm các bài kinh thiên nặng về lý luận và phân tích chi tiết các khái niệm Phật học.

Danh mục 9 thể tài kinh trong văn học Pāli gồm có: 1, 2, 3, 4, 5, 8, 9, 10, 11, tức không bao gồm ba thể loại “Nhân duyên” (thứ 6), “Thí dụ” (thứ 7) và “Luận nghị” (thứ 12) như trong văn học Phật giáo Đại thừa. *Kinh Ví dụ con rắn*, số 22, trong *Kinh Trung bộ* và một số kinh khác trong *Tăng chi bộ*, *Luật tạng* và *Luận tạng* đều thống nhất một danh sách 9 thể loại văn học: Kinh (*Sutta*), Ứng tụng (*Geyya*), Ký thuyết (*Veyyākaraṇa*), Kệ tụng (*Gāthā*), Cảm hứng ngữ (*Udāna*), Như thị ngữ (*Itivuttaka*), Bổn sanh (*Jātaka*), Vị tăng hữu pháp (*Abbhutadhamma*), Phương quảng (*Vedalla*).¹⁵

¹⁵ Xem A. II. 6, 103, 177; Vin. III. 8; Pug. 43.

Có thể nói, văn học *Kinh Tiểu bộ* bao gồm tất cả 9 thể tài văn học này. Các thể tài văn học “Nhân duyên”, “Thí dụ” và “Luận nghị” tuy không được đề cập trong văn học Thượng Tọa bộ, nhưng trên thực tế, văn học Kinh tạng Pāli đều có các nội dung này. Do đó, có thể khẳng định rằng 16 tập trong *Kinh Tiểu bộ* có mối quan hệ mật thiết với hai hệ thống thể tài văn học của Thượng Tọa bộ và Đại thừa.

4. Niên đại và tác giả của *Kinh Tiểu bộ*

Đại Chúng bộ, Hóa Địa bộ và Pháp Tạng bộ chấp nhận đưa *Kinh Tiểu bộ* vào danh mục Kinh tạng của mình, đang khi một số bộ phái chỉ chấp nhận bốn bộ kinh Pāli. Ở chừng mực nào đó, *Kinh Tiểu bộ* của Phật giáo Thượng Tọa bộ là ví dụ mở rộng của Tiểu tạng (*Khuddaka Piṭaka*).¹⁶

Dựa vào văn bản học, chúng ta có thể truy nguyên niên đại của *Kinh Tiểu bộ* gồm giai đoạn đầu và giai đoạn sau khác nhau.¹⁷ Sáu tuyển tập của *Kinh Tiểu bộ* được ra đời trong giai đoạn đầu gồm *Kinh Pháp cú*, *Kinh Phật tự thuyết*, *Kinh Phật thuyết như vậy*, *Kinh tập*, *Trường lão Tăng kệ*, *Trường lão Ni kệ*. Tuyển tập ra đời trong giai đoạn sau gồm *Chuyện Thiên cung*, *Chuyện Ngạ quỷ*, *Diễn giải (Nghĩa thích)*, *Phân tích đạo (Vô ngại giải đạo)*, *Thánh nhân ký sự*, *Phật sử*, *Hạnh tạng*, *Tiểu tụng* và sau nhất là *Milinda vấn đạo*. Riêng *Chuyện Tiền thân* có hơn 500 câu chuyện ra đời trong giai đoạn đầu và một số câu chuyện được bổ sung trong giai đoạn sau.

Về niên đại ra đời, Giáo sư Oliver Abeynayaka cho rằng *Kinh Tiểu bộ* được ra đời gần với giai đoạn hình thành văn học A-tỳ-đạt-ma.¹⁸ *Kinh Tiểu bộ* được hình thành và phát triển trong khoảng thời gian dài, bắt đầu từ thời đức Phật qua khẩu truyền cho đến Đại hội Kết tập kinh điển lần thứ 3 (*The Third Buddhist Council*) vào thế kỷ III TTL tại Pāṭaliputta, thủ phủ của Đại đế Asoka.¹⁹ Giáo sư Rhys Davids dựa vào việc sử dụng khái niệm “người thông suốt năm bộ kinh Pāli” (*pañcanekāyika*) trên các chỉ dụ vào thế kỷ III TTL, gián tiếp chứng minh rằng *Kinh Tiểu bộ* ra đời vào thế kỷ III TTL.²⁰

¹⁶ Xem chi tiết trong Hirakawa Akira, *A History of Indian Buddhism*, tr. and ed. by Paul Groner (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers, 1993), p. 128: “Though Buddhist schools such as the Mahisāsaka, Dharmaguptaka and Mahāsaṃghika included a *Khuddaka Piṭaka* in their canons, the *Khuddaka Nikāya* of the Theravāda school is the only extant example of such a *Khuddaka Piṭaka*.”

¹⁷ Giáo sư Oliver Abeynayake, “*A Textual and Historical Analysis of the Khuddaka Nikāya*” (*Phân tích phương diện lịch sử và văn bản của Kinh Tiểu bộ*) (Colombo: Tisara Press, 1984), p. 113, đưa ra luận điểm này với nhiều dẫn chứng thuyết phục: “The *Khuddaka Nikāya* can easily be divided into two strata, one being early and the other late. The texts *Sutta Nipāta*, *Itivuttaka*, *Dhammapada*, *Therīgāthā*, *Theragāthā*, *Udāna* and *Jātaka* belong to the early stratum and the texts *Khuddakapāṭha*, *Vimānavatthu*, *Petavatthu*, *Niddesa*, *Paṭisambhida*, *Apadāna*, *Buddhavaṃsa* and *Cariyapitaka* can be categorized in the later stratum.”

¹⁸ Xem Oliver Abeynayaka, *A Textual and Historical Analysis of the Khuddaka Nikāya* (Colombo: Tisara Press, 1984), p. 116.

¹⁹ Xem chi tiết tại sách, Charles Willemen, Bart Dessein, Collett Cox, *Sarvāstivāda Buddhist Scholasticism (Handbuch Der Orientalistik)* (Leiden: Brill, 1998), p. 45.

²⁰ Xem T. W. Rhys Davids, *Buddhist India* (London: G. P. Putnam’s Sons, 1903), p. 168.

Về tác giả, phần lớn các học giả Phật giáo Nam truyền đều cho rằng đức Phật và một số vị A-la-hán là tác giả truyền miệng của 15 tập kinh đầu, đang khi hai tập 16-17 do Ngài Kaccāna (Ca-chiên-diên) làm tác giả, và tập 18²¹ do Ngài Nāgasena trước tác. Bằng phương pháp phân tích văn bản học, Giáo sư Oliver Abeynayaka chứng minh rằng nếu bốn bộ kinh điển Pāli là do đức Phật thuyết giảng thì các bản văn thuộc *Kinh Tiểu bộ* do các vị đệ tử Thánh của đức Phật thuyết giảng hoặc biên tập.²² Giáo sư A. K. Warder cho rằng tính tác giả của *Kinh Tiểu bộ* rất khó chứng minh rõ ràng. Có nhiều bài kinh do đức Phật giảng, đang khi nhiều bài kinh khác có thể do các vị đệ tử Thánh thuyết giảng hoặc biên tập.²³

5. Phân loại và số lượng bản văn thuộc *Kinh Tiểu bộ*

Có bốn phân loại chính về *Kinh Tiểu bộ*: Bộ 14 tập, 15 tập, 17 tập và 18 tập. Theo *Thiện Kiến luật Tỳ-bà-sa* (善見律毘婆沙) quyển 1, *Kinh Tiểu bộ* chỉ có 14 tập, không bao gồm *Tiểu tụng* (*Khuddakapāṭha*, 小誦).²⁴

Căn cứ theo *Chú giải Luật tạng* (*Samantapāsādikā*) bản Pāli, cũng như lời tựa của bản *Chú giải Kinh Trường bộ* (*Sumaṅgalavilāsinī*) bản Pāli, do có bổ sung *Tiểu tụng* nên *Kinh Tiểu bộ* gồm có 15 tập.²⁵ Số lượng tuyển tập này tương ứng với phân loại Tam tạng Phật giáo Thái Lan (泰國所傳巴利三藏). Theo Étienne Lamotte, *Kinh Tiểu bộ* gồm 15 tập kinh thuộc Phật giáo Thượng Tọa bộ, trường phái Phật giáo duy nhất có đầy đủ *Kinh Tiểu bộ*.²⁶

Căn cứ vào Lời tựa của ấn bản đầu trong *Chú giải Kinh Trường bộ* do Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) biên soạn vào thế kỷ V, các nhà đọc tụng *Kinh Trường bộ* (*Dīgha-bhāṇaka*, 長部誦者, 長部誦師) chỉ liệt dẫn ra các tập 2-12 trong *Kinh Tiểu bộ*, trong khi các nhà đọc tụng *Kinh Trung bộ* (*Majjhima-bhāṇaka*, 中部誦者, 中部誦師) liệt dẫn ra 14 tập gồm 2-15 trong

²¹ Theo cách phân loại Tam tạng của Phật giáo Miến Điện, *Tiểu bộ* có tất cả 18 tập, trong đó tập 16 là *Chỉ đạo luận* hay còn gọi là *Cẩm nang học Phật* (*Nettipakaraṇa*) và tập 17 là *Tạng thích* hay còn gọi là *Chú thích Kinh tạng* (*Peṭakopadesa*).

²² Xem Oliver Abeynayaka, *A Textual and Historical Analysis of the Khuddaka Nikāya* (Colombo: Tisara Press, 1984), p. 16: “It is believed that the first four *Nikāyas* contain discourses preached by the Buddha, whereas the texts of the *Khuddaka Nikāya* are compositions of the disciples.”

²³ Xem A. K. Warder, *Indian Buddhism* (Delhi: Motilal Banarsidass, 2000), p. 202-03.

²⁴ *Thiện Kiến luật Tỳ-bà-sa* 善見律毘婆沙 (T.04. 1462.1 0676a07-10): 法句, 喻, 軀陀那, 伊諦佛多伽, 尼波多, 毘摩那卑, 多涕羅, 涕利, 伽陀, 本生, 尼涕婆波, 致參毘陀, 佛種性經, 若用藏者, 悉入屈陀迦。

²⁵ Tác phẩm *Samantapāsādikā*, còn có tên khác là *Pārājikakaṇḍa-aṭṭhakathā* (*paṭhamo bhāgo*). Chú giải chương Ba-la-di, phần mở đầu đã nêu: “Khuddakapāṭha-dhammapada-udāna-itivuttaka-suttanipāta-vimānavatthu-petavatthu-theragāthā-therīgāthā-jātaka-niddesa-pāṭisambhidā-apadāna-buddhavaṃsa-cariyāpitakavasena pannarāsapabbhedo khuddakanikāyoti.” Bản Hán dịch tác phẩm này cũng ghi nhận tương tự như vậy. Xem *Nhất thiết Thiện Kiến luật chú tự* 一切善見律註序 (N.70. 0036.1. 0019a06-08): 由小誦經, 法句經, 自說經, 如是語經, 小經, 集經, 天宮事經, 餓鬼事經, 長老長老尼偈經, 本生經, 義釋經, 無礙解道經, 譬喻經, 佛種性經, 所行藏經, 之十五分為小部。 Trong đoạn này cũng có sự nhầm lẫn nhỏ, dịch giả xưa đã thêm “*Tiểu kinh*” (小經) vào danh sách *Kinh Tiểu bộ* này, và gộp “*Trường lão Tăng kệ*” và “*Trường lão Ni kệ*” thành một.

²⁶ Étienne Lamotte, (1956) “Problèmes Concernant les Textes Canoniques Mineurs”, *Journal Asiatique*, số 244, tr. 249-64.

Kinh Tiểu bộ. Bản *Chú giải Luật tạng (Samantapāsādikā)*²⁷ giới thiệu *Kinh Tiểu bộ* gồm tập 1-15 như ấn bản chúng ta có hiện nay, đang khi tác phẩm *Aṭṭhasālinī*, bản *Chú giải A-tỳ-đạt-ma*²⁸ đề cập chỉ có 14 bản văn, không có *Tiểu tụng (Khuddakapāṭha)*.²⁹

Chú giải về Lời tựa Kinh Trường bộ bằng tiếng Pāli cho rằng chỉ có sự khác biệt về cách phân loại số lượng các tập kinh trực thuộc, hoàn toàn không khác biệt về nội dung của *Kinh Tiểu bộ*. Sở dĩ có sự khác biệt về số lượng các tập kinh trong *Kinh Tiểu bộ* là do tình trạng gộp lại của một số tập kinh, trong khi một số nhà đọc tụng *Kinh Trường bộ* và *Kinh Trung bộ* có khuynh hướng tách lập các bộ kinh riêng biệt. Chẳng hạn các nhà đọc tụng *Kinh Trường bộ* đề cập đến việc trùng tuyên 11 bản văn (ngoại trừ *Tiểu tụng*, *Thánh nhân ký sự*, *Phật sử* và *Hạnh tạng*). Trên thực tế, các bản văn này đã được gộp vào trong ấn bản của 11 bản văn trước.³⁰

Theo phân loại của Tam tạng Phật giáo Tích Lan, *Kinh Tiểu bộ* có 17 tập kinh do bổ sung hai tuyển tập gồm “*Chỉ đạo luận*” hay còn gọi là “*Cẩm nang học Phật*” (*Nettipakaraṇa*, 指導論) và “*Tạng thích*” hay “*Giải thích kinh*” (*Peṭakopadesa*, 藏釋). Tam tạng Phật giáo Miến Điện bổ sung tập *Milindapañha* (*Milinda vấn đạo*), tức bản tiếng Hán “*Di-lan vương vấn*” (彌蘭王問) hay *Di-lan-đa vấn* (彌蘭陀問) nên *Kinh Tiểu bộ* của Miến Điện gồm 18 tập.³¹

Ấn bản *Kinh Tiểu bộ* gồm 18 tập của Phật giáo Miến Điện được biên tập trong Đại hội Kết tập Tam tạng Phật giáo lần thứ 5 (*Pañcamasamgāyanā*, *The Fifth Buddhist Council*) tại thành phố Mandalay, Miến Điện vào năm 1871, dưới sự bảo trợ của Vua Mindon.³² Tại Đại hội Kết tập Tam tạng Phật giáo lần thứ 6 (*Chatṭha Saṅgāyana*, *The Sixth Buddhist Council*) vào năm 1954 tại chùa Kaba Aye, thành phố Yangon, Miến Điện, nhân dịp nước này kỷ niệm 2500 năm đức Phật nhập Niết-bàn, Tam tạng Thánh điển Pāli được thống nhất một lần nữa, từ đó *Chatṭha Saṅgāyana Tipiṭaka* (CST) chính thức ra đời, và *Kinh Tiểu bộ* cũng có 18 tập.

²⁷ J. Takakusu and M. Nagai (eds.), *Samantapāsādikā: Buddhaghosa's Commentary on the Vinaya Piṭaka*, 8 vols, (London: PTS, 1947-75), p. 12-15.

²⁸ Edward Müller (ed.), *The Aṭṭhasālinī: Buddhaghosa's Commentary on the Dhammasaṅgīnī* (London: PTS, 1979), p. 26.

²⁹ Xem Oskar von Hinüber, *A Handbook of Pāli Literature* (New Delhi: Munshiram Manoharlal, 1997), p. 42.

³⁰ Tham chiếu: T. W. Rhys Davids, J. E. Carpenter and W. Stede (eds.), *The Sumaṅgalavilāsinī: Buddhaghosa's Commentary on the Dīgha Nikāya*, vol. I. (London: PTS, 1886-1932), p. 15.

³¹ Trong tác phẩm *An Introduction to Pāli Literature* (Calcutta, India: Punthi Pustak, 1964), p. 43, S. C. Banerji cho rằng: “*Kinh Tiểu bộ* theo truyền thống Miến Điện có tất cả 19 tập, bao gồm 15 tập trên và các tập sau: 1) *Milindapañha*, 2) *Suttasamgaha*, 3) *Peṭakopadesa*, 4) *Netti* hay *Nettipakaraṇa*.” *Phật Quang đại từ điển* cũng cho rằng ấn bản *Kinh Tiểu bộ* của Phật giáo Miến Điện gồm có 19 tập (十九部), tức là tính thêm bộ *Suttasamgaha* (經集). Tham chiếu tại đường dẫn: <http://buddhaspace.org/dict/fk/data/> (truy cập ngày 13/01/2021).

³² Xem thông tin chi tiết trong sách: Mendelson, *Sangha and State in Burma* (Tăng đoàn và Nhà nước tại Miến Điện), (Ithaca, New York: Cornell University Press, 1975), pp. 276ff.

Tựa tiếng Việt, Pāli, Hán	Tiếng Anh	Ấn bản
(1) <i>Tiểu tụng</i> (<i>Khuddakapāṭha</i> , 小誦)	<i>The Short Passages</i>	PTS, Tích Lan, Thái Lan, Miến Điện, CST, CBETA
(2) <i>Kinh Pháp cú</i> (<i>Dhammapada</i> , 法句)	<i>Verses on Dhamma</i>	- nt -
(3) <i>Kinh Phật tự thuyết</i> (<i>Udāna</i> , 自說)	<i>Inspired Utterances</i>	- nt -
(4) <i>Kinh Phật thuyết như vậy</i> (<i>Itivuttaka</i> , 如是語)	<i>Thus It Was Said</i>	- nt -
(5) <i>Kinh tập</i> (<i>Suttanipāṭa</i> , 經集)	<i>Group of Discourses</i>	- nt -
(6) <i>Chuyện Thiên cung</i> (<i>Vimānavatthu</i> , 天宮事)	<i>Stories of Heavenly Abodes</i>	- nt -
(7) <i>Chuyện Ngạ quỷ</i> (<i>Petavatthu</i> , 餓鬼事)	<i>Stories of Hungry Ghosts</i>	- nt -
(8) <i>Trường lão Tăng kệ</i> (<i>Theragāthā</i> , 長老偈)	<i>Verses of the Male Elders</i>	- nt -
(9) <i>Trường lão Ni kệ</i> (<i>Therīgāthā</i> , 長老尼偈)	<i>Verses of the Female Elders</i>	- nt -
(10) <i>Chuyện Tiền thân</i> (<i>Jātaka</i> , 本生)	<i>Birth Stories</i>	- nt -
(11) <i>Diễn giải</i> (<i>Niddesa</i> , 義釋)	<i>Exposition</i>	- nt -
(12) <i>Phân tích đạo</i> (<i>Paṭisambhidāmagga</i> , 無礙解道)	<i>Way of Analysis</i>	- nt -
(13) <i>Thánh nhân ký sự</i> (<i>Apadāna</i> , 譬喻)	<i>Legends</i>	- nt -
(14) <i>Phật sử</i> (<i>Buddhavaṃsa</i> , 佛種姓)	<i>Lineage of the Buddhas</i>	- nt -
(15) <i>Hạnh tạng</i> (<i>Cariyāpīṭaka</i> , 行藏)	<i>Basket of Conduct</i>	- nt -
(16) <i>Chỉ đạo luận</i> (<i>Nettipakaraṇa</i> , 指導論)	<i>The Guide</i>	PTS, Tích Lan, Miến Điện và CST.

(17) <i>Tạng thích (Peṭakopadesa, 藏釋)</i>	<i>Piṭaka Disclosure</i>	PTS, Tích Lan, Miến Điện và CST
(18) <i>Milinda vấn đạo (Milindapañha, 彌蘭王問)</i>	<i>Questions of Milinda</i>	PTS, Miến Điện và CST.

Kể thừa việc bổ sung và chọn lọc ấn bản *Kinh Tiểu bộ* của các nước Phật giáo Nam truyền, Ban Biên tập đã thống nhất ấn bản *Kinh Tiểu bộ* thuộc *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* có 16 tập, gồm 15 tập đầu theo truyền thống chú giải của Phật giáo Thượng Tọa bộ từ thời Ngài Buddhaghosa và thêm tập thứ 18 như ấn bản PTS, Miến Điện và Ấn Độ (CST) ngày nay.

6. Dịch giả, bản dịch và nguyên tác *Kinh Tiểu bộ*

Trong bộ này có tất cả 16 tuyển tập, với ba dịch giả: Hòa thượng Thích Minh Châu, cư sĩ Nguyên Tâm – Trần Phương Lan và Tỳ-khưu Indacanda.

(1) Hòa thượng Thích Minh Châu dịch 7 tập, gồm: *Tiểu tụng*, *Kinh Pháp cú*, *Kinh Phật tự thuyết*, *Kinh Phật thuyết như vậy*, *Kinh tập*, *Trường lão Tăng kệ*, *Trường lão Ni kệ* và 120 câu chuyện đầu của *Chuyện Tiền thân*.

Đối với *Trường lão Tăng kệ* và *Trường lão Ni kệ*, Hòa thượng dựa vào bản *Chú giải (Aṭṭhakathā)* của hai bản kinh này để dịch và có tham khảo bản tiếng Anh “*Psalms of the Early Buddhist*” do Bà Rhys Davids dịch, PTS xuất bản năm 1909 (*Psalms of the Sisters*) và 1913 (*Psalms of the Brethren*).

(2) Cư sĩ Nguyên Tâm – Trần Phương Lan đã tham gia công tác phiên dịch cao quý này với hai tuyển tập *Chuyện Thiên cung (Thiên cung sự)*, *Chuyện Nga quý (Nga quý sự)* và 427 câu chuyện tiền thân còn lại từ nguyên tác tiếng Anh, vốn được dịch từ *Chú giải*.

Về bản dịch *Chuyện Thiên cung* và *Chuyện Nga quý*, dịch giả dựa vào bản dịch tiếng Anh: *The Minor Anthologies of the Pali Canon (Part IV) - Vimāna Vatthu: Stories of Mansion, Peta Vatthu: Stories of the Departed* của Jean Kennedy và Henry S. Gehman, do Bà Rhys Davids biên tập và viết lời giới thiệu, PTS xuất bản năm 1942.

Tập *Chuyện Tiền thân đức Phật (Bốn sanh)* gồm 547 câu chuyện, được Robert Chalmers, W. H. D. Rouse, H. T. Francis, R. A. Neil, E. B. Cowell dịch sang Anh ngữ và được E. B. Cowell biên tập thành 6 tập, do PTS xuất bản năm 1895.

Điểm lưu ý khác, bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu và cư sĩ Nguyên Tâm – Trần Phương Lan dựa vào nguyên tác Pāli của Hội PTS ấn hành, khá khớp với phiên bản CST, do đó, Ban Biên tập đã đánh số bản dịch Việt theo CST, đồng bộ với 4 bộ đã ấn hành để tiện việc tra cứu. Nhiều thi kệ trong

tập *Chuyện Tiền thân* của ấn bản trước bị tinh lược và dịch ra Việt văn bằng văn xuôi, Ban Biên tập thống nhất dịch đủ và đúng theo thể văn vần như trong nguyên tác vốn có, để giữ được tính thi ca trong văn học Pāli, đồng thời bổ sung thêm những câu, đoạn bị thiếu, hoặc đánh máy nhầm, sai sót.

(3) Vị thứ ba đóng vai trò khá quan trọng trong việc hoàn thiện Tam tạng Thánh điển Pāli này là Tỳ-khưu Indacanda. Với sự nhẫn nại, kiên trì và hoài bão đóng góp cho kho tàng Pháp bảo Phật giáo Việt Nam, Tỳ-khưu Indacanda đã và đang dịch các kinh, luật, luận, chú giải chưa được dịch sang tiếng Việt.³³ Đối với Kinh tạng của bộ *TTTĐPGVN* này, có 6 dịch phẩm của Tỳ-khưu Indacanda được đưa vào: *Diễn giải* (*Đại diễn giải* và *Tiểu diễn giải*), *Phân tích đạo*, *Thánh nhân ký sự*, *Phật sử*, *Hạnh tạng* và *Milinda vấn đạo*. Trong 6 bản dịch này, với tính đặc thù của nguyên tác Pāli Tích Lan, Ban Biên tập giữ nguyên theo cách chữ đậm, chữ nghiêng, đánh số bản dịch của dịch giả.

Nội dung khái lược của từng tập trong bộ này được giới thiệu trước mỗi tập trong *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*.

Cẩn chí,

Mùa An cư PL. 2565 – DL. 2021

TT.TS. Thích Nhật Từ

(Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam)



³³ Xem các bản dịch *Tam tạng Pāli-Việt* của Tỳ-khưu Indacanda (Sri Lanka: Buddhist Cultural Center), xuất bản từ năm 2007-2018, hoặc <https://www.tamtangpaliviet.net/>.

MỤC LỤC

LỜI CHỨNG MINH.....	vii
LỜI GIỚI THIỆU.....	ix
LỜI NÓI ĐẦU	xv
BẢNG VIẾT TẮT.....	xxv
TỔNG QUAN KINH TIỂU BỘ	xxxi

THÁNH NHÂN KÝ SỰ

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ	3
PHẦN THỨ NHẤT.....	7
I. PHẨM ĐỨC PHẬT.....	7
A. PHẬT TOÀN GIÁC KÝ SỰ	7
B. PHẬT ĐỘC GIÁC KÝ SỰ	13
C. TRƯỞNG LÃO KÝ SỰ.....	19
1. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA	19
2. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀMOGGALLĀNA	33
3. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀKASSAPA	35
4. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ANURUDDHA	36
5. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUNNA	37
6. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPĀLI	38
7. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AÑÑĀKONḌAÑÑĀ	47
8. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PINDOLABHĀRADVĀJA	48
9. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KHADIRAVANIYAREVATA	49
10. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀNANDA	51
II. PHẨM SĪHĀSANADĀYAKA	53
11. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĪHĀSANADĀYAKA	53
12. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKATTHAMBHIKA	54

13. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NANDA.....	55
14. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CULLAPANTHAKA	55
15. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PIḶINDIVACCHA	56
16. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO RĀHULA.....	57
17. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPASENA.....	58
18. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO RATṬHAPĀLA.....	59
19. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SOPĀKA	60
20. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUMAṄGALA.....	61
III. PHẨM SUBHŪTI	63
21. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUBHŪTI.....	63
22. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPAVĀNA.....	66
23. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SARANAGAMANIYA	70
24. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAÑCASĪLASAMĀDĀNIYA	71
25. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ANNASAMSĀVAKA	73
26. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHŪPADĀYAKA	73
27. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PULINAPŪJAKA	74
28. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UTTARIYA.....	74
29. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAÑJALIKA	75
30. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KHOMADĀYAKA	75
IV. PHẨM KUṆḌADHĀNA.....	77
31. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUṆḌADHĀNA	77
32. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĀGATA.....	78
33. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀKACCĀNA	79
34. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KĀḶUDĀYĪ.....	80
35. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MOGHARĀJA	81
36. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ADHIMUTTA	82
37. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO LASUṆADĀYAKA	83
38. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀYĀGADĀYAKA	83
39. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHAMMACAKKIKA	84
40. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KAPPARUKKHIYA	84
V. PHẨM UPĀLI.....	86
41. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHĀGINEYYA-UPĀLI	86
42. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SONAKOṬIKANNA	87

43. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KĀḶGODHĀPUTTABHADDIYA	89
44. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SANÑIṬṬHĀPAKA	90
45. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAÑCAHATTHIYA	91
46. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMACCHADANIYA	91
47. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAYANADĀYAKA	92
48. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CAÑKAMADĀYAKA	92
49. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUBHADDA	93
50. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CUNDA	94
VI. PHẨM VĪJANĪ	97
51. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VIDHŪPANADĀYAKA	97
52. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SATARAMSIKA	97
53. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAYANADĀYAKA	98
54. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHODAKIYA	99
55. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO OPAVAYHA	99
56. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAPARIVĀRĀSANA	100
57. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAÑCADĪPAKA	100
58. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHAJADĀYAKA	101
59. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMA	102
60. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ASANABODHIYA	103
VII. PHẨM SAKACINTANIYA	105
61. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAKACINTANIYA	105
62. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AVOPUPPHIYA	105
63. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PACCĀGAMANIYA	106
64. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PARAPPASĀDAKA	106
65. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHISADĀYAKA	107
66. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUCINTITA	108
67. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VATTHADĀYAKA	108
68. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AMBADĀYAKA	109
69. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANA	109
70. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHACAÑGOTIYA	110
VIII. PHẨM NĀGASAMĀLA	111
71. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NĀGASAMĀLA	111
72. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADASAÑÑAKA	111

73. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHASAÑÑAKA	111
74. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHISĀLUVADĀYAKA	112
75. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKASAÑÑAKA	112
76. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIṆASANTHARADĀYAKA	113
77. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SŪCIDĀYAKA.....	113
78. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀṬALIPUPPHIYA	114
79. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ṬHITAÑJALIYA	114
80. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIPADUMIYA.....	115
IX. PHẨM TIMIRAPUPPHIYA.....	117
81. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIMIRAPUPPHIYA	117
82. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GATASAÑÑAKA	117
83. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NIPANNAÑJALIYA	118
84. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ADHOPUPPHIYA	118
85. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO RAṂSISAÑÑAKA	119
86. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DUTIYARAṂSISAÑÑAKA	119
87. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PHALADĀYAKA	120
88. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SADDASAÑÑAKA	120
89. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BODHISIṆCAKA	120
90. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMAPUPPHIYA	121
X. PHẨM SUDHAPINḌIYA	122
91. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUDHĀPINḌIYA	122
92. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUCINTITA	122
93. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ADDHACELAKA	123
94. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SŪCIDĀYAKA.....	123
95. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHAMĀLIYA	124
96. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIPUPPHIYA.....	124
97. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MADHUPINḌIKA	125
98. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SENĀSANADĀYAKA	125
99. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VEYYĀVACCAKA	126
100. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHUPAṬṬHĀKA	126
XI. PHẨM BHIKKHĀDĀYĪ.....	128
101. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHIKKHĀDĀYAKA	128
102. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NĀṆASAÑÑAKA	128

103. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPPALAHATTHI	129
104. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADAPŪJAKA	129
105. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MUTTHIPUPPHIYA	130
106. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKAPŪJAKA	130
107. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NAḬAMĀLIYA	131
108. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀSANŪPAṬṬHĀPAKA	131
109. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BIḬĀLIDĀYAKA	132
110. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO RENUPŪJAKA	133
XII. PHẨM MAHĀPARIVĀRA	134
111. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀPARIVĀRA	134
112. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUMAṆḬALA.....	134
113. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SARANAGAMANIYA	135
114. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKĀSANIYA.....	136
115. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUVAṆṆAPUPPHIYA	137
116. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA	137
117. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHASAṆṆĀKA	138
118. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAGGASAṆṆĀKA	139
119. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PACCUPAṬṬHĀNASAṆṆĀKA	139
120. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO JĀTIPŪJAKA.....	140
XIII. PHẨM SEREYYAKA.....	142
121. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SEREYYAKA.....	142
122. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHATHŪPIYA	142
123. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀYĀSADĀYAKA	144
124. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHODAKIYA	144
125. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAMMUKHĀTHAVIKA	145
126. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUSUMĀSANIYA	146
127. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PHALADĀYAKA	147
128. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ṆĀṆASAṆṆĀKA	148
129. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHAPUPPHIYA	148
130. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMAPŪJAKA	149
XIV. PHẨM SOBHITA.....	150
131. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SOBHITA.....	150
132. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUDASSANA	150

133. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CANDANAPŪJAKA	151
134. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHACHADANIYA	152
135. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO RAHOSAÑÑAKA	152
136. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CAMPAKAPUPPHIYA	153
137. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ATTHASANDASSAKA	153
138. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPASĀDANIYA	154
139. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĀLAPUPPHADĀYAKA	154
140. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PIYĀLAPHALADĀYAKA	155
XV. PHẨM CHATTA	156
141. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ATICHATTIYA	156
142. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO THAMBHĀROPAKA	156
143. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VEDIKĀRAKA	157
144. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAPARIVĀRIYA	157
145. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UMMĀPUPPHIYA	157
146. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ANULEPADĀYAKA	158
147. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAGGADĀYAKA	158
148. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PHALAKADĀYAKA	159
149. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VAṬAṂSAKIYA	159
150. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PALLAÑKADĀYAKA	160
XVI. PHẨM BANDHUJĪVAKA	161
151. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BANDHUJĪVAKA	161
152. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TAMBAPUPPHIYA	161
153. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VĪTHISAMMAJJAKA	162
154. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KAKKĀRUPŪJAKA	162
155. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MANDĀRAVAPŪJAKA	163
156. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KADAMBAPUPPHIYA	163
157. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TINASŪLAKA	164
158. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NĀGAPUPPHIYA	164
159. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUNNĀGAPUPPHIYA	165
160. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUMUDADĀYAKA	165
XVII. PHẨM SUPĀRICARIYA.....	167
161. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUPĀRICARIYA	167
162. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KAṆAVERAPUPPHIYA	167

163. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KHAJJAKADĀYAKA	168
164. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DESAPŪJAKA	168
165. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KANĪKĀRACCHADANIYA	169
166. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAPPIDĀYAKA	169
167. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO YŪTHIKĀPUPPHIYA	169
168. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DUSSADĀYAKA	170
169. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAMĀDAPAKA	170
170. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAÑCAṄGULIYA	171
XVIII. PHẨM KUMUDA	172
171. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUMUDAMĀLIYA	172
172. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NISSEṆIDĀYAKA	172
173. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO RATTIPUPPHIYA	173
174. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDAPĀNADĀYAKA	173
175. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĪHĀSANADĀYAKA	174
176. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAGGADATTIKA	174
177. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKADĪPIYA	174
178. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAṆIPŪJAKA	175
179. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIKICCHAKA	175
180. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAṄGHUPATṬHĀKA	176
XIX. PHẨM KUṬAJAPUPPHIYA.....	177
181. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUṬAJAPUPPHIYA	177
182. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BANDHUJĪVAKA	177
183. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KOṬUMBARIYA	178
184. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAÑCAHATTHIYA	178
185. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ISIMUGGADĀYAKA	179
186. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BODHI-UPATṬHĀKA	179
187. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKACINTIKA.....	180
188. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIKANṆIPUPPHIYA	180
189. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKACĀRIYA.....	181
190. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIVANṬIPUPPHIYA	181
XX. PHẨM TAMĀLAPUPPHIYA	183
191. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TAMĀLAPUPPHIYA	183
192. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIṆASANTHARADĀYAKA	183

193. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KHAṆḌAPHULLIYA	184
194. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ASOKAPŪJAKA	184
195. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AṆKOLAKA.....	185
196. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KISALAYAPŪJAKA	185
197. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TINDUKADĀYAKA	186
198. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MUṬṬHIPŪJAKA	186
199. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KIṆKANIPUPPHIYA	187
200. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO YŪTHIKĀPUPPHIYA	187
XXI. PHẨM KANĪKĀRAPUPPHIYA	189
201. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KANĪKĀRAPUPPHIYA	189
202. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MINELAPUPPHIYA	189
203. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KIṆKIṆIKAPUPPHIYA	190
204. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TARANIYA	190
205. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NIGGUNDIPUPPHIYA	191
206. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKADĀYAKA	191
207. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SALALAMĀLIYA	191
208. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KORANDAPUPPHIYA	192
209. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀDHĀRADĀYAKA	192
210. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VĀTĀTAPANIVĀRIYA	193
XXII. PHẨM HATTHI	194
211. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO HATTHIDĀYAKA	194
212. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀNADHIDĀYAKA	194
213. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SACCASAÑÑAKA	195
214. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKASAÑÑAKA	195
215. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO RAMSISAÑÑAKA	196
216. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SANTHITA	196
217. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TĀLAVANṬADĀYAKA	196
218. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AKKANTASAÑÑAKA	197
219. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAPPIDĀYAKA	197
220. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀPANIVĀRIYA	198
XXIII. PHẨM ĀLAMBANADĀYAKA.....	199
221. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀLAMBANADĀYAKA	199
222. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AJINADĀYAKA	199

223. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DVIRATANIYA	200
224. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀRAKKHADĀYAKA	200
225. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AVYĀDHĪKA	201
226. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AṆKOLAPUPPHIYA	201
227. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SOVANNAVAṬAṬSAKIYA	202
228. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MIṆJAVATĀMSAKIYA	202
229. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUKATĀVELIYA	202
230. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAVANDIYA	203
XXIV. PHẨM UDAKĀSANA.....	204
231. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKĀSANADĀYAKA	204
232. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHĀJANADĀYAKA	204
233. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĀLAPŪPIYA	205
234. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KILAÑJADĀYAKA	205
235. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VEDIKĀRAKA	205
236. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VANNAKĀRA	206
237. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PIYĀLAPUPPHIYA	206
238. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AMBAYĀGADĀYAKA	207
239. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO JAGATIKĀRAKA	207
240. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VĀSIDĀYAKA	207
XXV. PHẨM TUVARADĀYAKA.....	209
241. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TUVARADĀYAKA	209
242. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NĀGAKESARIYA	209
243. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NAḶINAKESARIYA	209
244. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VIRAVIPUPPHIYA TRỪNG CỐC VÂN NAM.....	210
245. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUṬIDHŪPAKA	210
246. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PATTADĀYAKA	211
247. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHĀTUPŪJAKA	211
248. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SATTALIPUPPHAPŪJAKA	211
249. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BIMBIJĀLIYA	212
250. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDDĀLADĀYAKA	212
XXVI. PHẨM THOMAKA.....	213
251. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO THOMAKA	213
252. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKĀSANADĀYAKA	213

253. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA	214
254. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TICAMPAKAPUPPHIYA	214
255. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SATTAPĀṬALIYA	214
256. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPĀHANADĀKAYA	215
257. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAÑJARIPŪJAKA	215
258. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAÑṆADĀYAKA	215
259. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUṬIDĀYAKA	216
260. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AGGAJAPUPPHIYA	216
XXVII. PHẨM ĀKĀSUKKHIPIYA.....	218
261. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀKĀSUKKHIPIYA	218
262. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TELAMAKKHIYA	218
263. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ADDHACANDIYA	219
264. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADĪPIYA.....	219
265. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BIḶĀLIDĀYAKA	219
266. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MACCHADĀYAKA	220
267. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO JAVAHAMSAKA	220
268. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SALALAPUPPHIYA	220
269. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPĀGATĀSAYA	221
270. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TARANIYA	221
XXVIII. PHẨM SUVAÑṆABIMBOHANA.....	223
271. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUVAÑṆABIMBOHANIYA	223
272. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TILAMUTṬHIDĀYAKA	223
273. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CAṆGOTAKIYA	224
274. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ABBHAÑJANADĀYAKA	224
275. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAÑJALIYA	224
276. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO POTTHADĀYAKA	225
277. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA	225
278. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀLUVADĀYAKA	226
279. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPUNḌARĪKA	226
280. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TARANIYA	226
XXIX. PHẨM PAÑṆADĀYAKA.....	228
281. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAÑṆADĀYAKA	228
282. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PHALADĀYAKA	228

283. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PACCUGGAMANIYA	229
284. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPUPPHIYA	229
285. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAGHAVAPUPPHIYA	230
286. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPATTHĀKADĀYAKA	230
287. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO APADĀNIYA	230
288. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SATTĀHAPABBAJITA	231
289. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHUPATTHĀKA	231
290. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUBBAṄGAMIYA	232
XXX. PHẨM CITAKAPŪJAKA	233
291. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA	233
292. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHADHĀRAKA	233
293. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CHATTADĀYAKA	234
294. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SADDASAÑÑAKA	234
295. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GOSĪSANIKKHEPAKA	235
296. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀDAPŪJAKA	235
297. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DESAKITTAKA	235
298. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SARANAGAMANIYA	236
299. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AMBAPINḌIYA	236
300. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ANUSAMSĀVAKA	237
XXXI. PHẨM PADUMAKESARIYA	238
301. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMAKESARIYA	238
302. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SABBAGANDHIYA	238
303. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PARAMANNADĀYAKA	239
304. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHAMMASAÑÑAKA	239
305. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PHALADĀYAKA	240
306. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAMPASĀDAKA	240
307. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀRĀMADĀYAKA	241
308. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ANULEPADĀYAKA	241
309. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHASAÑÑAKA	242
310. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PABBHĀRADĀYAKA	242
XXXII. PHẨM ĀRAKKHADĀYAKA	244
311. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀRAKKHADĀYAKA	244
312. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHOJANADĀYAKA	244

313. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GATASAÑÑAKA	245
314. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SATTAPADUMIYA	245
315. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHĀSANADĀYAKA	246
316. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀSANATTHAVIKA	246
317. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SADDASAÑÑAKA	247
318. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIRAMSIYA	247
319. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KANDALIPUPPHIYA	248
320. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUMUDAMĀLIYA	248
XXXIII. PHẨM UMMĀPUPPHIYA.....	250
321. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UMMĀPUPPHIYA	250
322. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PULINAPŪJAKA	250
323. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO HĀSAJANAKA	251
324. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO YAÑÑASĀMIKA	251
325. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NIMITTASAÑÑAKA	252
326. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ANNASAMSAVAKA	253
327. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NIGGUNḌIPUPPHIYA	253
328. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANĀVELIYA	255
329. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHACHATTIYA	256
330. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAPARIVĀRACHATTADĀYAKA	256
XXXIV. PHẨM GANDHADHŪPIYA.....	259
331. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHADHŪPIYA	259
332. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKAPŪJAKA	259
333. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUNNĀGAPUPPHIYA	260
334. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKADUSSADĀYAKA	260
335. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PHUSITAKAMPIYA	262
336. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PABHAṆKARA	263
337. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIṆAKUṬIDĀYAKA	264
338. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UTTAREYYADĀYAKA	265
339. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHAMMASAVANĪYA	267
340. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UKKHITTAPADUMIYA	268
XXXV. PHẨM EKAPADUMIYA.....	270
341. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPADUMIYA	270
342. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TI-UPPALAMĀLIYA	271

343. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHAJADĀYAKA	271
344. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIKININIPŪJAKA	272
345. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NAĀĠĀRIKA	272
346. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CAMPAKAPUPPHIYA	273
347. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMAPŪJAKA	273
348. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIṆAMUTṬHIDĀYAKA	274
349. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TINDUKAPHALADĀYAKA	275
350. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAÑJALIYA	275
XXXVI. PHẨM SADDASAÑÑAKA.....	276
351. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SADDASAÑÑAKA	276
352. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO YAVAKALĀPIYA	276
353. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KIMSUKAPŪJAKA	277
354. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAKOTAKAKORANDADĀYAKA	277
355. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DANḌADĀYAKA	277
356. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AMBAYĀGUDĀYAKA	278
357. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUPUṬAKAPŪJAKA	278
358. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAÑCADĀYAKA	279
359. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SARANAGAMANIYA	279
360. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PINḌAPĀTIKA	279
XXXVII. PHẨM MANDĀRAVAPUPPHIYA.....	281
361. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MANDĀRAVAPUPPHIYA	281
362. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KAKKĀRUPUPPHIYA	281
363. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHISAMULĀLADĀYAKA	282
364. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KESARAPUPPHIYA	282
365. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AÑKOLAPUPPHIYA	282
366. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KADAMBAPUPPHIYA	283
367. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDDĀLAPUPPHIYA	283
368. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKACAMPAKAPUPPHIYA	283
369. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIMIRAPUPPHIYA	284
370. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SALALAPUPPHIYA	284
XXXVIII. PHẨM BODHIVANDAKA.....	286
371. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BODHIVANDAKA	286
372. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀṬALIPUPPHIYA	286

373. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TI-UPPALAMĀLIYA	287
374. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAṬṬIPUPPHIYA	287
375. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SATTAPANṆIYA	288
376. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHAMUṬṬHIYA	288
377. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA	289
378. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANATĀLAVANṬIYA	289
379. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANADĀMIYA	290
380. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KĀSUMĀRIPHALADĀYAKA	290
XXXIX. PHẨM AVANṬAPHALA	292
381. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AVANṬAPHALADĀYAKA	292
382. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO LABUJADĀYAKA	292
383. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDUMBARAPHALADĀYAKA	293
384. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PILAKKHAPHALADĀYAKA	293
385. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PHĀRUSAPHALADĀYAKA	294
386. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VALLIPHALADĀYAKA	294
387. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KADALIPHALADĀYAKA	295
388. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PANASAPHALADĀYAKA	295
389. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SONAKOṬIVĪSA	296
390. KÝ SỰ VỀ PHẬT TOÀN GIÁC TÊN PUBBAKAMMAPILOTIKA	297
XL. PHẨM PIḬINDIVACCHA.....	300
391. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PIḬINDIVACCHA	300
392. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SELA	313
393. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SABBAKITTIKA	319
394. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MADHUDĀYAKA	321
395. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMAKŪṬĀGĀRIYA	323
396. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BAKKULA	325
397. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GIRIMĀNANDA	327
398. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SALALAMAṆḌAPIYA	329
399. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SABBADĀYAKA	330
400. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AJITA	331
XLI. PHẨM METTEYYA	335
401. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TISSAMETTEYYA	335
402. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUNṆAKA.....	337

403. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO METTAGŪ.....	338
404. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHOTAKA	339
405. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPASIVA	341
406. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NANDAKA	345
407. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO HEMAKA.....	346
408. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TODEYYA.....	349
409. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO JATUKANŌ.....	352
410. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDENA	355
XLII. PHẨM BHADDĀLI	360
411. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHADDĀLI	360
412. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKACHATTIYA	362
413. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TĪNASŪLAKACHADANIYA	365
414. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MADHUMAMSADĀYAKA	367
415. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NĀGAPALLAVAKA	368
416. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKADĪPIYA	368
417. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UCCHAṄGAPUPPHIYA	369
418. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO YĀGUDĀYAKA	370
419. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PATTHODANADĀYAKA	371
420. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAṆCADĀYAKA	372
XLIII. PHẨM SAKIMSAMMAJJAKA	374
421. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAKIMSAMMAJJAKA	374
422. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKADUSSADĀYAKA	375
423. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKĀSANADĀYAKA	376
424. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SATTAKADAMBAPUPPHIYA	378
425. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KORANDAPUPPHIYA	378
426. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GHATAMANḌADĀYAKA	379
427. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKADHAMMASAVANĪYA	380
428. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUCINTITA	381
429. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SONNAKINĀNIYA	384
430. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SONNAKONTARIKA.....	385
XLIV. PHẨM EKAVIHĀRĪ.....	387
431. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAVIHĀRIYA	387
432. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKASAMKHIYA	388

433. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀṬIHĪRASANŃAKA	389
434. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ÑĀṆATTHAVIKA	389
435. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UCCHUKHANDIKA	390
436. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KALAMBADĀYAKA	391
437. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AMBĀṬAKADĀYAKA	391
438. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO HARĪTAKADĀYAKA	391
439. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AMBAPINḌIYA	392
440. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO JAMBUPHALIYA	393
XLV. PHẨM VIBHĪṬAKA.....	395
441. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VIBHĪṬAKAMINḌIYA	395
442. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KOLADĀYAKA	395
443. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BILLAPHALIYA	396
444. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHALLĀTAKADĀYAKA	396
445. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UTTALIPUPPHIYA	397
446. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AMBĀṬAKIYA	398
447. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĪHĀSANIKA	398
448. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀDAPĪṬHIYA	399
449. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VEDIKĀRAKA	400
450. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BODHIGHARIYA	400
XLVI. PHẨM JAGATIDĀYAKA.....	402
451. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO JAGATIDĀYAKA	402
452. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MORAHATTHIYA	402
453. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĪHĀSANAVĪJAKA	403
454. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TI-UKKĀDHĀRAKA	403
455. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AKKAMANADĀYAKA	404
456. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VANAKORANḌIYA	404
457. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKACHATTIYA	405
458. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO JĀTIPUPPHIYA	406
459. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAṬṬIPUPPHIYA	406
460. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHAPŪJAKA	407
XLVII. PHẨM SĀLAKUSUMIYA.....	408
461. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĀLAKUSUMIYA	408
462. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA	408

463. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKANIBBĀPAKA	409
464. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SETUDĀYAKA	409
465. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANATĀLAVANṬIYA	410
466. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AVANṬAPHALIYA	410
467. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO LABUJADĀYAKA	411
468. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PILAKKHAPHALADĀYAKA	411
469. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAYAMPATIBHĀṆIYA	412
470. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NIMITTAVYĀKARAṆIYA	413
XLVIII. PHẨM NAḶAMĀLĪ.....	415
471. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NAḶAMĀLIYA	415
472. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAṆIPŪJAKA	415
473. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UKKĀSATIKA	417
474. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANAVĪJANIYA	418
475. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUMMĀSADĀYAKA	419
476. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUSATṬHADĀYAKA	419
477. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GIRIPUNNĀGIYA	419
478. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VALLIKĀRAPHALADĀYAKA	420
479. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀNADHIDĀYAKA	420
480. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PULINACAṆKAMIYA	422
XLIX. PHẨM PAMSUKŪLA.....	423
481. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAMSUKŪLASAÑÑAKA	423
482. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHASAÑÑAKA	423
483. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHISADĀYAKA	425
484. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ÑĀṆATTHAVIKA	426
485. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CANDANAMĀLIYA	428
486. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHĀTUPŪJAKA	430
487. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PULINUPPĀDAKA	430
488. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TARAṆIYA	433
489. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHAMMARUCI	434
490. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĀLAMANDAPIYA	436
L. PHẨM TIKIṆKANIPUPPHIYA.....	439
491. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIKIṆKANIPUPPHIYA	439
492. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAMSUKŪLAPŪJAKA	439

493. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KORANDAPUPPHIYA	440
494. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KIMSUKAPUPPHIYA	441
495. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPADDHADUSSADĀYAKA	441
496. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GHATAMANĀDĀYAKA	442
497. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKADĀYAKA	443
498. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PULINATHŪPIYA	443
499. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NAĀKUṬIDĀYAKA	446
500. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PIYĀLAPHALADĀYAKA	447
LI. PHẨM KANĪKĀRA	448
501. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIKANĪKĀRAPUPPHIYA	448
502. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPATTADĀYAKA	451
503. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KĀSUMĀRIPHALADĀYAKA	451
504. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AVATAPHALIYA	452
505. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VĀRAPHALIYA	453
506. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MĀTULUṄGAPHALADĀYAKA	453
507. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AJELIPHALADĀYAKA	454
508. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AMODAPHALIYA	454
509. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TĀLAPHALADĀYAKA	455
510. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NĀĪKERADĀYAKA	455
LII. PHẨM PHALADĀYAKA	457
511. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KURANĴIYAPHALADĀYAKA	457
512. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KAPITTHAPHALADĀYAKA	457
513. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KOSUMBHAPHALADĀYAKA	458
514. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KETAKAPUPPHIYA	458
515. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NĀGAPUPPHIYA	459
516. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AJJUNAPUPPHIYA	459
517. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUṬAJAPUPPHIYA	460
518. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GHOSASAṆṆĀKA	461
519. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SABBAPHALADĀYAKA	461
520. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMADHĀRAKA	463
LIII. PHẨM TIṆADĀYAKA	465
521. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIṆAMUṬṬHIDĀYAKA	465
522. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAṆCADĀYAKA	466

523. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SARANAGAMANIYA	466
524. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ABBHAÑJANADĀYAKA	467
525. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUPATĀDĀYAKA	467
526. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DANĀDĀYAKA	468
527. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GIRINELAPŪJAKA	468
528. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BODHISAMMAJJAKA	469
529. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀMANDAPHALADĀYAKA	471
530. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUGANDHA	471
LIV. PHẨM KACCĀNA	475
531. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀKACCĀNA	475
532. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VAKKALI	477
533. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀKAPPINA	479
534. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DABBA	482
535. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUMĀRAKASSAPA	485
536. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BĀHIYA	487
537. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KOṬṬHITA	490
538. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO URUVELAKASSAPA	492
539. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO RĀDHA	495
540. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MOGHARĀJA	497
LV. PHẨM BHADDIYA	500
541. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO LAKUṆṬAKABHADDIYA	500
542. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KAṆKHĀREVATA	502
543. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĪVALI	503
544. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VAṆGĪSA	506
545. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NANDAKA	509
546. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KĀḷUDĀYI	511
547. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ABHAYA	513
548. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO LOMASAKAṆGIYA	515
549. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VANAVACCHA	517
550. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CŪḶASUGANDHA	518
LVI. PHẨM YASA	522
551. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO YASA	522
552. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NADĪKASSAPA	524

553. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GAYĀKASSAPA	524
554. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KIMBILA	525
555. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VAJJIPUTTA	525
556. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UTTARA	526
557. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UTTARA KHÁC	528
558. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHADDAJI	529
559. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĪVAKA	530
D. TRƯỞNG LÃO NI KÝ SỰ	531
I. PHẨM SUMEDHĀ	531
1. KÝ SỰ VỀ SUMEDHĀ.....	531
2. KÝ SỰ VỀ MEKHALĀDĀYIKĀ.....	532
3. KÝ SỰ VỀ MAṆḌAPADĀYIKĀ	533
4. KÝ SỰ VỀ SAṆKAMANATTHĀ.....	533
5. KÝ SỰ VỀ NAḶAMĀLIKĀ	534
6. KÝ SỰ VỀ EKAPIṆḌAPĀTADĀYIKĀ.....	534
7. KÝ SỰ VỀ KAṬACCHUBHIKKHĀDĀYIKĀ	535
8. KÝ SỰ VỀ SATTUPPALAMĀLIKĀ.....	536
9. KÝ SỰ VỀ PAÑCADĪPIKĀ	537
10. KÝ SỰ VỀ UDAKADĀYIKĀ	539
II. PHẨM MỘT LẦN TRAI GIỚI	541
11. KÝ SỰ VỀ EKUPOSATHIKĀ	541
12. KÝ SỰ VỀ SALALAPUPPHIKĀ	542
13. KÝ SỰ VỀ MODAKADĀYIKĀ.....	543
14. KÝ SỰ VỀ EKĀSANADĀYIKĀ	543
15. KÝ SỰ VỀ PAÑCADĪPADĀYIKĀ.....	545
16. KÝ SỰ VỀ SĀLAMĀLIKĀ.....	546
17. KÝ SỰ VỀ MAHĀPAJĀPATIGOTAMĪ	547
18. KÝ SỰ VỀ KHEMĀ.....	559
19. KÝ SỰ VỀ UPPALAVANṆĀ	565
20. KÝ SỰ VỀ PAṬĀCĀRĀ.....	571
III. PHẨM KUṆḌALAKESĪ	575
21. KÝ SỰ VỀ KUṆḌALAKESĀ	575
22. KÝ SỰ VỀ KISĀGOTAMĪ.....	578

23. KÝ SỰ VỀ DHAMMADINNĀ.....	581
24. KÝ SỰ VỀ SAKULĀ.....	583
25. KÝ SỰ VỀ NANDĀ - MỸ NHÂN CỦA XỨ SỞ	585
26. KÝ SỰ VỀ SONĀ	589
27. KÝ SỰ VỀ BHADDĀKĀPILĀNĪ	590
28. KÝ SỰ VỀ YASODHARĀ	594
29. KÝ SỰ VỀ MƯỜI NGÀN VỊ TỠ-KHUU-NI	599
30. KÝ SỰ VỀ MƯỜI TÁM NGÀN VỊ TỠ-KHUU-NI	600
IV. PHẨM SÁT-ĐẾ-LÝ	605
31. KÝ SỰ VỀ CÁC TỠ-KHUU-NI ĐỨNG ĐẦU LÀ YASAVATĪ	605
32. KÝ SỰ VỀ CÁC VỊ TỠ-KHUU-NI THIẾU NỮ BÀ-LA-MÔN	606
33. KÝ SỰ VỀ UPPALADĀYIKĀ.....	609
34. KÝ SỰ VỀ SIGĀLAMĀTĀ.....	610
35. KÝ SỰ VỀ SUKKĀ.....	612
36. KÝ SỰ VỀ RŪPANANDĀ	615
37. KÝ SỰ VỀ ADḬHAKĀSĪ.....	616
38. KÝ SỰ VỀ PUNṆĀ.....	617
39. KÝ SỰ VỀ AMBAPĀLĪ	619
40. KÝ SỰ VỀ PESALĀ	620

PHẬT SỬ

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ	625
CON ĐƯỜNG KINH HÀNH BẰNG CHÂU BÁU	629
PHẦN NÓI VỀ SUMEDHA.....	637
1. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT DĪPAṆKARA	651
2. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT KOṆḬAṆṆA	654
3. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT MAṆGALA.....	657
4. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT SUMANA.....	660
5. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT REVATA.....	663
6. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT SOBHITA.....	666
7. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT ANOMADASSĪ	669
8. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT PADUMA.....	672
9. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT NĀRADA.....	675

10. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT PADUMUTTARA	678
11. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT SUMEDHA	681
12. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT SUJĀTA	684
13. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT PIYADASSĪ	688
14. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT ATTHADASSĪ	691
15. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT DHAMMADASSĪ	694
16. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT SIDDHATTHA	697
17. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT TISSA	700
18. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT PHUSSA	703
19. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT VIPASSĪ	706
20. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT SIKHĪ	709
21. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT VESSABHŪ	712
22. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT KAKUSANDHA	715
23. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT KOṆĀGAMANA	718
24. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT KASSAPA	721
25. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT GOTAMA	725
26. CHƯƠNG TỔNG HỢP VỀ CHƯ PHẬT	727
GIẢNG GIẢI VỀ VIỆC PHÂN CHIA XÁ-LỢI	729

HẠNH TẠNG

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ	733
I. SỰ TOÀN HẢO VỀ BỐ THÍ	735
1. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] AKITTI	735
2. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] SAṆKHA	736
3. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] KURUDHAMMA	736
4. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] MAHĀSUDASSANA	737
5. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] MAHĀGOVINDA	738
6. HẠNH CỦA ĐỨC VUA NIMI	738
7. HẠNH CỦA HOÀNG TỬ CANDA	738
8. HẠNH CỦA ĐỨC VUA SIVI	739
9. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] VESSANTARA	740
10. HẠNH CỦA CON THỎ HIỀN TRÍ	743

II. SỰ TOÀN HẢO VỀ GIỚI	746
1. HẠNH CỦA VỊ NUÔI DƯỠNG MẸ	746
2. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] BHŪRIDATTA	746
3. HẠNH CỦA CON RỒNG CAMPEYYA	747
4. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] CULLABODHI	748
5. HẠNH CỦA CON TRÂU CHÚA	749
6. HẠNH CỦA CON NAI CHÚA RURU	749
7. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] MĀTAṄGA	750
8. HẠNH CỦA THIÊN TỬ DHAMMA	751
9. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] ALĪNASATTA	751
10. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] SAṅKHAPĀLA	752
III. SỰ TOÀN HẢO VỀ XUẤT LY	754
1. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] YUDHAÑJAYA	754
2. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] SOMANASSA	754
3. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] AYOGHARA	755
4. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] BHISA	756
5. HẠNH CỦA VỊ HIỀN TRÍ SONA	757
IV. SỰ TOÀN HẢO VỀ QUYẾT ĐỊNH	758
6. HẠNH CỦA VỊ HIỀN TRÍ TEMIYA	758
V. SỰ TOÀN HẢO VỀ CHÂN THẬT	760
7. HẠNH CỦA CON KHỈ CHÚA	760
8. HẠNH CỦA ĐẠO SĨ SACCA	760
9. HẠNH CỦA CHIM CÚT CON	760
10. HẠNH CỦA VUA CÁ	761
11. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] KAṆHADĪPĀYANA	762
12. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] SUTASOMA	763
VI. SỰ TOÀN HẢO VỀ TỪ ÁI	764
13. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] SUVAṆṆASĀMA	764
14. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] EKARĀJA	764
VII. SỰ TOÀN HẢO VỀ HÀNH XÃ	765
15. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] MAHĀLOMAHAṂSA	765

MILINDA VẤN ĐẠO

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ	769
PHÂN NGOẠI THUYẾT.....	773
SỰ LIÊN HỆ TRONG QUÁ KHỨ.....	775
I. ĐẠI PHẨM	794
CÁC CÂU HỎI VỀ TƯỚNG TRẠNG	803
II. PHẨM HÀNH TRÌNH	810
III. PHẨM SỞ HỮU TỨ	820
IV. PHẨM NIẾT-BÀN	832
V. PHẨM ĐỨC PHẬT	839
VI. PHẨM TRÍ NHỚ.....	843
VII. PHẨM XÁC ĐỊNH CÁC PHÁP VÔ SẮC.....	848
VIỆC HỎI VÀ TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI CỦA MILINDA	859
PHÂN MỞ ĐẦU CÁC CÂU HỎI ĐỐI CHỐI	861
CÁC CÂU HỎI ĐỐI CHỐI	867
I. PHẨM NĂNG LỰC CỦA THẦN THÔNG	867
1. CÂU HỎI VỀ VIỆC KHÔNG THỌ NHẬN CÚNG DƯỜNG	867
2. CÂU HỎI VỀ BẢN THỂ TOÀN TRI CỦA ĐỨC THỂ TÔN	873
3. CÂU HỎI VỀ SỰ XUẤT GIA CỦA DEVADATTA	878
4. CÂU HỎI VỀ HIỆN TƯỢNG DAO ĐỘNG DỮ DỘI CỦA TRÁI ĐẤT	882
5. CÂU HỎI VỀ SỰ BỐ THÍ MẮT CỦA ĐỨC VUA SIVI.....	887
6. CÂU HỎI VỀ SỰ NHẬP VÀO BÀO THAI	890
7. CÂU HỎI VỀ SỰ BIẾN MẤT CỦA CHÁNH PHÁP	896
8. CÂU HỎI VỀ VIỆC CẮT ĐÚT PHÁP BẤT THIỆN	899
9. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT KHÔNG VIỆC GÌ CẦN PHẢI LÀM THÊM NỮA	903
10. CÂU HỎI VỀ SỰ NHẬN THỨC ĐỐI VỚI NĂNG LỰC CỦA THẦN THÔNG	904
II. PHẨM KHÔNG BỊ CHIA RẼ.....	907
1. CÂU HỎI VỀ CÁC ĐIỀU NHỎ NHẶT VÀ TIỂU TIẾT	907
2. CÂU HỎI VỀ CÂU TRẢ LỜI NÊN ĐƯỢC ĐÌNH CHỈ	908
3. CÂU HỎI VỀ VIỆC SỢ HÃI HAY KHÔNG SỢ HÃI SỰ CHẾT	909

4. CÂU HỎI VỀ SỰ THOÁT KHỎI CÁI BẦY CỦA THẦN CHẾT.....	914
5. CÂU HỎI VỀ SỰ CHƯỚNG NGẠI TRONG VIỆC THỌ NHẬN CỦA ĐỨC THẾ TÔN.....	917
6. CÂU HỎI VỀ VIỆC CÓ NHIỀU TỘI Ở HÀNH ĐỘNG ÁC CỦA NGƯỜI KHÔNG BIẾT.....	920
7. CÂU HỎI VỀ VIỆC QUẢN TRỊ HỘI CHÚNG TỶ-KHUU.....	921
8. CÂU HỎI VỀ VIỆC HỘI CHÚNG KHÔNG BỊ CHIA RẼ.....	922
III. PHẨM ĐÃ BỊ ĐUỔI ĐI.....	924
1. CÂU HỎI VỀ GIÁO PHÁP TỐI THƯỢNG.....	924
2. CÂU HỎI VỀ SỰ BAN PHÁT ĐIỀU LỢI ÍCH ĐẾN TẤT CẢ CHÚNG SANH.....	926
3. CÂU HỎI VỀ VIỆC BIỂU LỘ VẬT ĐƯỢC CHE GIẤU SAU LỚP VẢI.....	929
4. CÂU HỎI VỀ BẢN THỂ CỦA LỜI NÓI GAY GẮT.....	931
5. CÂU HỎI VỀ BẢN THỂ SUY TƯ CỦA CÂY CỐI.....	933
6. CÂU HỎI VỀ QUẢ BÁO LỚN CỦA MÓN THÍ THỰC.....	934
7. CÂU HỎI VỀ SỰ CÚNG DƯỜNG ĐỨC PHẬT.....	937
8. CÂU HỎI VỀ VIỆC BỊ THƯƠNG BỞI MIỀNG ĐÁ Ở BÀN CHÂN.....	938
9. CÂU HỎI VỀ VỊ SA-MÔN CAO QUÝ HẠNG NHẤT.....	940
10. CÂU HỎI VỀ VIỆC NÓI LỜI CA NGŨY.....	941
11. CÂU HỎI VỀ SỰ KHÔNG HÃM HẠI VÀ SỰ TRẦN ÁP.....	942
12. CÂU HỎI VỀ VIỆC ĐÃ GIẢI TÁN CÁC VỊ TỶ-KHUU.....	944
IV. PHẨM VỀ TRÍ TOÀN TRI.....	946
1. CÂU HỎI VỀ QUẢ THÀNH TỰU CỦA NGHIỆP CÓ NĂNG LỰC LỚN HƠN THẦN THÔNG.....	946
2. CÂU HỎI VỀ PHÁP VÀ LUẬT ĐƯỢC CHE GIẤU HAY KHÔNG ĐƯỢC CHE GIẤU.....	947
3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT NẶNG NHẸ CỦA LỜI NÓI DỐI.....	949
4. CÂU HỎI VỀ QUY LUẬT TỰ NHIÊN ĐỐI VỚI ĐỨC BỎ-TÁT.....	950
5. CÂU HỎI VỀ VIỆC TỰ KẾT LIỄU BẢN THÂN.....	951
6. CÂU HỎI VỀ LỢI ÍCH CỦA TÂM TỪ.....	954
7. CÂU HỎI VỀ SỰ BẰNG NHAU CỦA THIỆN VÀ BẤT THIỆN.....	956
8. CÂU HỎI VỀ HOÀNG HẬU AMARĀ.....	960

9. CÂU HỎI VỀ SỰ KHÔNG SỢ HÃI CỦA BẠC LẬU TẬN	962
10. CÂU HỎI VỀ BẢN THỂ TOÀN TRI CỦA ĐỨC NHƯ LAI	964
V. PHẨM THÂN THIẾT	966
1. CÂU HỎI VỀ SỰ THÂN THIẾT	966
2. CÂU HỎI VỀ VIỆC HẠN CHẾ BAO TỬ	967
3. CÂU HỎI VỀ SỰ ÍT BỆNH CỦA ĐỨC THỂ TÔN	969
4. CÂU HỎI VỀ VỊ LÀM SANH KHỞI ĐẠO LỘ CHƯA ĐƯỢC SANH KHỞI.....	970
5. CÂU HỎI VỀ LOMASAKASSAPA.....	972
6. CÂU HỎI VỀ CHADDANTA VÀ JOTIPĀLA	974
7. CÂU HỎI VỀ GHATĪKĀRA	975
8. CÂU HỎI VỀ LỜI NÓI LÀ BÀ-LA-MÔN VÀ LÀ VUA	977
9. CÂU HỎI GIẢNG VỀ VẬT THỰC DO VIỆC NGÂM NGÀ CÁC BÀI KỆ	979
10. CÂU HỎI VỀ TRẠNG THÁI KHÔNG NỖ LỰC TRONG VIỆC THUYẾT GIẢNG GIÁO PHÁP	983
11. CÂU HỎI VỀ TRẠNG THÁI KHÔNG CÓ THẦY CỦA VỊ THẦY	985
CÁC CÂU HỎI SUY LUẬN	987
I. PHẨM ĐỨC PHẬT	987
1. CÂU HỎI VỀ VIỆC SANH LÊN CỦA HAI VỊ PHẬT	987
2. CÂU HỎI VỀ VIỆC DÂNG CÚNG TÁM VẢI CỦA BÀ GOTAMĪ	989
3. CÂU HỎI VỀ VIỆC THỰC HÀNH ĐÚNG ĐẮN CỦA HÀNG TẠI GIA VÀ XUẤT GIA.....	992
4. CÂU HỎI VỀ SỰ SAI TRÁI TRONG ĐƯỜNG LỐI THỰC HÀNH	993
5. CÂU HỎI VỀ VIỆC TRỞ LẠI ĐỜI SỐNG TẠI GIA TẦM THƯỜNG	995
6. CÂU HỎI VỀ SỰ NHẬN BIẾT CẢM THỌ CỦA VỊ A-LA-HÁN	1001
7. CÂU HỎI VỀ CHƯỚNG NGẠI CỦA SỰ CHỨNG NGỘ	1002
8. CÂU HỎI VỀ GIỚI HẠNH TÔI	1005
9. CÂU HỎI VỀ VIỆC CÓ SINH MẠNG VÀ SỰ SỐNG CỦA NƯỚC	1006
II. PHẨM KHÔNG CHƯỚNG NGẠI	1010
1. CÂU HỎI VỀ PHÁP KHÔNG CHƯỚNG NGẠI.....	1010
2. CÂU HỎI VỀ NGƯỜI TẠI GIA CHỨNG A-LA-HÁN	1012
3. CÂU HỎI VỀ SỰ THẤT NIỆM CỦA VỊ A-LA-HÁN	1013

4. CÂU HỎI VỀ VẬT THỂ KHÔNG CÓ Ở THỂ GIAN	1015
5. CÂU HỎI VỀ VẬT KHÔNG SANH RA DO NGHIỆP	1015
6. CÂU HỎI VỀ VẬT SANH RA DO NGHIỆP VÀ KHÔNG SANH RA DO NGHIỆP.....	1018
7. CÂU HỎI VỀ THÂY CHẾT CỦA DẠ-XOA	1018
8. CÂU HỎI VỀ SỰ QUY ĐỊNH ĐIỀU HỌC	1019
9. CÂU HỎI VỀ SỰ CHIẾU SÁNG CỦA MẶT TRỜI.....	1020
10. CÂU HỎI THỨ NHÌ VỀ SỰ CHIẾU SÁNG CỦA MẶT TRỜI	1020
III. PHẨM VESSANTARA.....	1022
1. CÂU HỎI VỀ VIỆC BỎ THÍ CON CỦA VESSANTARA	1022
2. CÂU HỎI VỀ VIỆC HÀNH KHỔ HẠNH.....	1030
3. CÂU HỎI VỀ THIỆN HAY BẤT THIỆN MẠNH HƠN	1034
4. CÂU HỎI VỀ VIỆC HỒI HƯỚNG ĐẾN QUYỀN THUỘC ĐÃ QUÁ VẮNG.....	1038
5. CÂU HỎI VỀ GIÁC MƠ.....	1041
6. CÂU HỎI VỀ VIỆC CHẾT KHÔNG ĐÚNG THỜI.....	1043
7. CÂU HỎI VỀ ĐIỀU KỲ DIỆU Ở BẢO THÁP	1050
8. CÂU HỎI VỀ SỰ LÃNH HỘI GIÁO PHÁP	1051
9. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT KHÔNG BỊ XEN LẤN KHỔ CỦA NIẾT-BÀN.....	1054
10. CÂU HỎI VỀ HÌNH THỂ VÀ VỊ TRÍ NIẾT-BÀN	1056
11. CÂU HỎI VỀ SỰ CHỨNG NGỘ NIẾT-BÀN	1062
12. CÂU HỎI VỀ NƠI CHỨA ĐỰNG NIẾT-BÀN.....	1064
IV. PHẨM SUY LUẬN.....	1067
1. CÂU HỎI [GIẢNG BẰNG SỰ] SUY LUẬN.....	1067
2. CÂU HỎI VỀ PHÁP TỪ KHƯỐC.....	1081
CÁC CÂU HỎI GIẢNG VỀ CÁC VÍ DỤ	1095
CÁC TIÊU ĐỀ.....	1095
I. PHẨM LỪA	1099
1. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI LỪA	1099
2. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI GÀ TRÔNG	1099
3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI SÓC.....	1101
4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI BEO CÁI.....	1101

5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI BEO ĐỰC.....	1102
6. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI RỪA.....	1103
7. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CÂY TRE.....	1104
8. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CÂY CUNG.....	1104
9. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI QUẠ.....	1105
10. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI KHỈ.....	1105
II. PHẨM BIỂN CẢ.....	1107
1. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA DÂY BÀU.....	1107
2. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CÂY SEN.....	1107
3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA HẠT GIỐNG.....	1108
4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CÂY SĀLĀ XINH ĐẸP.....	1108
5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CHIẾC THUYỀN.....	1109
6. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CÁI NEO THUYỀN.....	1110
7. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CỘT BUỒM.....	1110
8. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NGƯỜI THUYỀN TRƯỞNG.....	1111
9. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NGƯỜI LÀM CÔNG.....	1111
10. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA BIỂN CẢ.....	1112
III. PHẨM ĐẤT.....	1114
1. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA ĐẤT.....	1114
2. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NƯỚC.....	1115
3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LỬA.....	1116
4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA GIÓ.....	1117
5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NÚI.....	1117
6. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA HƯ KHÔNG.....	1119
7. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA MẶT TRĂNG.....	1120
8. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA MẶT TRỜI.....	1121
9. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA VỊ SAKKA.....	1122
10. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA VỊ CHUYỀN LUÂN.....	1122
IV. PHẨM MỐI.....	1124
1. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI MỐI.....	1124
2. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI MÈO.....	1124
3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI CHUỘT.....	1125
4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI BÒ CẠP.....	1125

5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI CHỒN	1125
6. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI CHÓ RỪNG GIÀ	1126
7. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI NAI	1127
8. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI BÒ.....	1127
9. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI HEO	1128
10. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI VOI	1129
V. PHẨM SƯ TỬ	1131
1. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI SƯ TỬ.....	1131
2. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI NGỒNG ĐỎ	1132
3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI SẾU CÁI.....	1133
4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI BÒ CÂU NHÀ	1134
5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI CHIM CÚ	1134
6. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI CHIM GỖ KIẾN	1135
7. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI DƠI	1135
8. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI ĐĨA	1136
9. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI RẮN.....	1136
10. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI TRĂN.....	1137
VI. PHẨM NHỆN	1138
1. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI NHỆN	1138
2. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA ĐỨA BÉ ĐEO BÀU VÚ	1138
3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA LOÀI RỪA.....	1139
4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA KHU RỪNG.....	1139
5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CÂY CỎI.....	1140
6. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CÓN MƯA	1141
7. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NGỌC MA-NI.....	1141
8. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NGƯỜI THỢ SẴN	1142
9. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NGƯỜI CÂU CÁ.....	1143
10. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NGƯỜI THỢ MỘC	1143
VII. PHẨM CHUM NƯỚC.....	1145
1. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CHUM NƯỚC	1145
2. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA SẮT ĐEN	1145
3. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA CÁI LỌNG CHE	1146
4. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA THỪA RUỘNG	1146

5. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA THUỐC GIẢI ĐỘC	1147
6. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA VẬT THỰC.....	1147
7. CÂU HỎI VỀ TÍNH CHẤT CỦA NGƯỜI CUNG THỦ	1148
ĐOẠN KẾT	1151
PHỤ LỤC 1	1153
PHỤ LỤC 2	1159
PHỤ LỤC 3	1161
SÁCH DẪN TIẾNG VIỆT	1165
SÁCH DẪN PĀLI	1177

